

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRƯỜNG KHÁNH THÀNH

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC
THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC
CƠ SỞ ĐẠI TỪ, HUYỆN ĐẠI TỪ - TỈNH THÁI NGUYÊN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRƯỜNG KHÁNH THÀNH

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC
THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC
CƠ SỞ ĐẠI TỪ, HUYỆN ĐẠI TỪ - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 60.14.01.14

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình khoa học nào khác.

Thái Nguyên, tháng năm 2017

Tác giả

Trương Khánh Thành

LỜI CẢM ƠN

Với sự kính trọng và tình cảm chân thành, tác giả trân trọng cảm ơn:

Các thầy giáo, cô giáo trong Ban Giám hiệu, khoa Tâm lý - Giáo dục, phòng Đào tạo, trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên cùng các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo trực tiếp giảng dạy đã tận tình giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt tác giả xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tác giả trong việc định hướng về nội dung đề tài, phương pháp nghiên cứu khoa học, giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Xin cảm ơn các đồng chí trong Ban Giám hiệu, các thầy giáo, cô giáo, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ đã tạo điều kiện thuận lợi và nhiệt tình giúp đỡ tác giả có được các thông tin cần thiết, hữu ích để phục vụ cho đề tài nghiên cứu của mình.

Người thân trong gia đình, bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp thường xuyên động viên tác giả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng với thời gian và kinh nghiệm nghiên cứu còn hạn chế, nên chắc chắn luận văn này không thể tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các thầy giáo, cô giáo, các nhà khoa học và các bạn đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn !

Thái Nguyên, tháng năm 2017

Tác giả luận văn

Trương Khánh Thành

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.....	4
5. Giả thuyết khoa học	4
6. Giới hạn nghiên cứu	4
7. Phương pháp nghiên cứu	5
8. Cấu trúc luận văn.....	6
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THCS	7
1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu.....	7
1.1.1. Những nghiên cứu trên thế giới.....	7
1.1.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam	9
1.2. Một số khái niệm công cụ của đề tài	11
1.2.1. Khái niệm quản lý, quản lý giáo dục.....	11
1.2.2. Khái niệm Văn hóa, Bản sắc văn hóa dân tộc	13
1.2.3. Khái niệm Giáo dục, Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.....	16
1.2.4. Khái niệm hoạt động trải nghiệm	17
1.2.5. Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.....	18

1.2.6. Quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.....	19
1.3. Một số vấn đề về giáo dục giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.....	19
1.3.1. Đặc điểm trường PT Dân tộc nội trú THCS và học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS.....	19
1.3.2. Một số vấn đề về hoạt động trải nghiệm ở trường THCS	21
1.3.3. Mục tiêu của giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS	23
1.3.4. Nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT Dân tộc nội trú THCS.....	24
1.3.5. Phương pháp giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT Dân tộc nội trú THCS	26
1.3.6. Các hình thức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT Dân tộc nội trú THCS.....	28
1.4. Một số vấn đề về quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh trường PTDTNT THCS	31
1.4.1. Lập kế hoạch giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.....	31
1.4.2. Tổ chức thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.....	33
1.4.3. Chỉ đạo thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.....	33
1.4.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.....	34
1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS ...	35
1.5.1. Yếu tố chủ quan.....	35
1.5.2. Yếu tố khách quan.....	36
Kết luận chương 1.....	38

Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ- HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN	39
2.1. Khái quát về Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên	39
2.2. Tổ chức khảo sát thực trạng	40
2.2.1. Mục tiêu khảo sát.....	40
2.2.2. Quy mô khảo sát	41
2.2.3. Nội dung khảo sát	41
2.2.4. Phương pháp khảo sát.....	41
2.3. Thực trạng hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ	41
2.3.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục BSVHDT cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ	41
2.3.2. Thực trạng nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS Đại Từ	43
2.3.3. Thực trạng các phương pháp giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS Đại Từ.....	44
2.3.4. Thực trạng các hình thức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS Đại Từ.....	45
2.4. Thực trạng quản lý hoạt động Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PTDT Nội trú THCS Đại Từ.....	47
2.4.1. Thực trạng lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ	47

2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ	48
2.4.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ.....	50
2.4.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ.....	51
2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ.....	53
2.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ	55
2.6.1. Đánh giá kết quả đạt được và nguyên nhân.....	55
2.6.2. Đánh giá hạn chế và nguyên nhân.....	56
Kết luận chương 2.....	57
Chương 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ, HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN.....	59
3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp	59
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ và hệ thống	59
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa	60
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi.....	60
3.2. Các biện pháp quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ.....	61
3.2.1. Nâng cao nhận thức của CBQL,GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm.....	61
3.2.2. Xây dựng quy trình tổ chức hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.....	62

3.2.3. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên	67
3.2.4. Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS	69
3.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm.....	71
3.2.6. Mối quan hệ giữa các biện pháp.....	73
3.3. Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp.....	74
3.3.1. Đối tượng khảo nghiệm.....	74
3.3.2. Cách thức tiến hành khảo nghiệm	74
3.3.3. Mục đích khảo nghiệm	75
3.3.4. Các biện pháp được khảo nghiệm	75
3.3.5. Nội dung khảo sát.....	75
Kết luận chương 3.....	81
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	82
1. Kết luận.....	82
2. Khuyến nghị.....	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	85
PHỤ LỤC.....

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BCH	Ban chấp hành
BGH	Ban giám hiệu
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BSVH	Bản sắc văn hóa
BSVHDT	Bản sắc văn hóa dân tộc
CBQL	Cán bộ quản lý
CMHS	Cha mẹ học sinh
CSVC	Cơ sở vật chất
GD	Giáo dục
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDBSVHDT	Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc
GS	Giáo sư
GV	Giáo viên
GVBM	Giáo viên bộ môn
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HĐGDNGGK	Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
HS	Học sinh
KT-XH	Kinh tế xã hội
NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
PGS.TS.NGND	Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Nhà giáo nhân dân
PTDTNT	Phổ thông dân tộc nội trú
QLGD	Quản lý giáo dục
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
VHDT	Văn hóa dân tộc

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Nhận thức của CBQL, GV và NV về tầm quan trọng của giáo dục BSVHDT cho HS	42
Bảng 2.2.	Nhận thức của HS về tầm quan trọng của công tác giáo dục BSVHDT trong trường PT DTNT THCS Đại Từ	42
Bảng 2.3.	Đánh giá của CBQL, GV, NV về mức độ thực hiện các nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT DTNT THCS Đại Từ.....	43
Bảng 2.4.	Thực trạng mức độ sử dụng các phương pháp GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS	45
Bảng 2.5.	Đánh giá của cán bộ, giáo viên về mức độ thực hiện các hình thức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.....	46
Bảng 2.6.	Đánh giá của CBQL, GV về xây dựng kế hoạch giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm của BGH nhà trường.....	47
Bảng 2.7.	Đánh giá của CB,GV việc tổ chức GDBSVHDT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm	48
Bảng 2.8.	Thực trạng chỉ đạo triển khai thực hiện GDBSVHDT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm	50
Bảng 2.9.	Đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDBSVHDT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm của ban giám hiệu nhà trường.....	52
Bảng 2.10.	Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.....	54
Bảng 3.1.	Mức độ cần thiết của các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm	76
Bảng 3.2.	Tính khả thi của các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm	77
Bảng 3.3.	So sánh tương quan thứ bậc giữa tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.....	79

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị truyền thống của các dân tộc là những vấn đề căn cốt, nền tảng để làm nên nét riêng của mỗi dân tộc, tạo nên sự khác biệt giữa các dân tộc. Nghị quyết TƯ 5 (khoá VIII), của Đảng đã khẳng định “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” với mục đích làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều có những đặc điểm văn hóa riêng thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán.... Bản sắc văn hóa dân tộc là những nét văn hóa riêng biệt của một dân tộc được hình thành, được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Trong xu thế hội nhập kinh tế như hiện nay việc giao lưu văn hóa giữa các nước là cần thiết. Tuy nhiên bên cạnh những lợi ích thiết thực về vật chất, văn hóa, tinh thần, cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến những giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp. Làm thế nào để những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được lưu giữ, bảo tồn và phát huy trong đời sống của con người Việt Nam đó là một vấn đề được các nhà quản lý giáo dục cũng như toàn xã hội quan tâm.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có vai trò vô cùng quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, Văn hóa con người Việt Nam vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển của giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đổi mới. Để thực hiện được mục tiêu đó các nhà quản lý giáo dục hiện nay đều quan tâm tới cải tiến, đổi mới các hình thức học tập: giáo dục trong giờ chính khóa, giáo dục ngoài giờ chính khóa, giáo dục thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm là một vấn đề mới và khó. Đòi hỏi nhiều công phu, lòng nhiệt tâm của cán bộ quản lý và giáo viên ở các nhà trường nói riêng và sự

quan tâm của các nhà quản lý giáo dục, các ban ngành và các tổ chức cá nhân mới có thể đạt được hiệu quả cao.

Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ; huyện Đại Từ; tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ đặc thù là bên cạnh việc tổ chức dạy học theo chương trình Trung học cơ sở nhà trường còn thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng toàn diện cho học sinh dân tộc vùng đặc biệt khó khăn tại các huyện Đại Từ; huyện Định Hóa; Thị xã Phổ Yên; Thành Phố Sông Công thuộc tỉnh Thái Nguyên, đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương. Bên cạnh các nội dung giáo dục khác, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc cho học sinh, đây là một vấn đề quan trọng góp phần không nhỏ vào sự thành công trong sự nghiệp giáo dục chung của nhà trường.

Hiện nay nhà trường có số lượng học sinh không nhiều (với 8 lớp; 240 học sinh), nhưng lại là trường có số lượng học sinh dân tộc đa dạng nhất (kể cả về dân tộc và vùng miền) so với tất cả các trường THCS trong toàn Tỉnh (kể cả các trường Dân tộc nội trú cấp THCS). Sống trong môi trường nội trú, học sinh có điều kiện tiếp xúc với nhiều luồng văn hóa từ xã hội cả tích cực và tiêu cực, nhiều loại văn hóa có sức lôi cuốn mạnh mẽ với giới trẻ nói chung và học sinh nói riêng, đặc biệt là học sinh dân tộc. Điều này khiến các em dễ xa rời văn hóa truyền thống dân tộc. Nhiều học sinh tự ti về truyền thống văn hóa của dân tộc mình như việc ngại sử dụng trang phục dân tộc mình, thích trang phục theo một hiện đại. Học sinh có tư tưởng "ra thành phố" nên các văn hóa truyền thống bị coi là "nhà quê". Những lí do trên sẽ làm cho một bộ phận học sinh dân tộc không còn yêu thích và quý trọng truyền thống văn hóa của dân tộc mình, thậm chí muốn giữ bỏ để tiếp cận văn hóa hiện đại. Bên cạnh đó, mục tiêu và nhiệm vụ chính trị của nhà trường là "đào tạo nguồn nhân lực dân tộc có chất lượng cho các địa phương để phục vụ công tác cán bộ tại quê hương" nên ngoài việc đào tạo kiến thức văn hóa còn cần giáo dục bản sắc văn hóa, trong đó khơi gợi

lòng tự hào về truyền thống văn hóa dân tộc là yếu tố quan trọng giúp các em phát triển tình yêu đối với quê hương. Bản sắc văn hóa dân tộc là một điều kiện thuận lợi cho học sinh công tác sau này khi các em đã trưởng thành. Do đó, ngoài nhiệm vụ tăng cường chất lượng trong giảng dạy thì một vấn đề đặt ra đối với đội ngũ giáo viên của trường là giúp các em luôn biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình thông qua các hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, việc giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm tại trường PT DTNT THCS Đại Từ của tỉnh Thái Nguyên hiện nay chưa toàn diện, hệ thống, phương pháp chưa phù hợp với thực tế ở địa phương. Do đó tác giả chọn đề tài "***Quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên***" làm đề tài kết thúc khóa học.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và khảo sát thực trạng quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS, đề tài đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu cơ sở lí luận về quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú.

3.2. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm tại trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên.

3.3. Đề xuất các biện pháp quản lí giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm tại trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên

4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

4.1. Khách thể nghiên cứu

Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ-huyện Đại Từ-tỉnh Thái Nguyên.

4.2. Đối tượng nghiên cứu

Quá trình quản lí giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ; huyện Đại Từ; tỉnh Thái Nguyên.

5. Giả thuyết khoa học

Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên trong thời gia qua đã được quan tâm thực hiện , tuy nhiên hiệu quả chưa cao, điều này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thuộc về yếu tố quản lý. Nếu xây dựng được các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại trường PTĐTNNT một cách khoa học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đặc điểm học sinh người dân tộc thì sẽ nâng cao hiệu quả giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

6. Giới hạn nghiên cứu

- Đề tài tập trung nghiên cứu giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc Tày-Nùng cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ (vì học sinh là người dân tộc Tày-Nùng chiếm trên 70% học sinh toàn trường). Cụ thể là giáo dục các bản sắc văn hóa dân tộc sau: Ngành nghề truyền thống, lối cư trú, ăn uống, trang phục truyền thống, ngôn ngữ dân tộc, phong tục tập quán, lễ hội, văn học nghệ thuật....

- Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên, Tổng phụ trách Đội TNTP HCM): 09 người

- Giáo viên, nhân viên: 14 giáo viên trực tiếp giảng dạy; 14 nhân viên (quản sinh; Cấp dưỡng...) đang công tác tại Trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên

+ Học sinh: 240 em học sinh từ lớp 6 đến lớp 9.

- Số liệu khảo sát lấy từ năm học 2012-2013 đến nay.

7. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn kết hợp các nhóm nghiên cứu sau:

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Nghiên cứu, phân tích các quan điểm lý luận thể hiện trong các văn kiện của Đảng, văn bản của Chính phủ, văn bản của Bộ GD&ĐT, nghiên cứu tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu trên sách, báo chí, các tài liệu chuyên môn liên quan đến nội dung đề tài.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp quan sát*

Tiến hành quan sát các hoạt động của nhà trường: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đội TNTP HCM... để thu thập thông tin, làm rõ thực trạng.

- *Phương pháp đàm thoại*

Tiến hành đàm thoại với CBQL, GV, NV và học sinh trường PT DTNT THCS Đại Từ. Trên cơ sở đó tổng hợp, so sánh các dữ liệu để làm rõ thực trạng cần nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi*

Tiến hành lấy ý kiến của CBQL, GV, NV và học sinh trường PT DTNT THCS Đại Từ thông qua phiếu điều tra, bảng hỏi nhằm làm rõ thực trạng cần nghiên cứu.

7.3. Nhóm phương pháp xử lý thông tin

Phương pháp này dùng để xử lý số liệu kết quả nghiên cứu của các phương pháp nghiên cứu khác đem lại. Trên cơ sở đó đưa ra những nhận định, kết luận có tính khoa học và độ tin cậy.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Khuyến nghị, Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được trình bày trong 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận về quản lí giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS.

Chương 2: Thực trạng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3: Biện pháp quản lí giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THCS

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Những nghiên cứu trên thế giới

Mỗi quốc gia đều có truyền thống lịch sử, nền văn hóa riêng cho nên giáo dục ở mỗi nước đều có những nét độc đáo riêng:

Trung Quốc đặt ra mục tiêu của cải cách giáo dục là làm cho học sinh nắm được kiến thức, có lòng yêu nước và quý trọng văn hóa dân tộc, tinh thần trách nhiệm với xã hội, có tinh thần nhân văn, có tâm hồn và thể chất khỏe mạnh. Trung Quốc cho rằng, sự phát triển kinh tế xã hội của Trung Quốc hiện nay đã đến giai đoạn phải chuyển hướng đòi hỏi đối với giáo dục, từ chỗ trước đây đặt trọng tâm chú ý nhiều đến giáo dục nền tảng, đại chúng thì nay phải chuyển trọng tâm chú ý sang giáo dục đào tạo đội ngũ nhân tài cho mọi lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội của đất nước.

Singapore là một đất nước nhập cư từ nhiều nước đặc biệt là của châu Á. Chính vì thế ở Singapore nét văn hóa phương Đông được gìn giữ và phát huy mạnh mẽ. Trong đó người Hoa chiếm ưu thế do đó văn hóa của họ cũng chiếm ưu thế sơ với các dân tộc khác. Thực tế trong thời đại của hội nhập hiện nay việc kết hợp các giá trị phương Đông và phương Tây là điều hết sức cần thiết. Về mặt giáo dục và đào tạo chính phủ Singapore nhận thấy những điểm mạnh của hệ thống giáo dục phương Đông là định hướng thi cử và trọng nhân tài, Điểm mạnh của giáo dục phương Tây là chú trọng phát triển cá tính và phát triển toàn diện. Do đó việc kết hợp hai mô hình này sẽ tạo ra con người Singapore mới toàn diện, có nhân cách, biết giữ gìn các giá trị đạo đức chân chính, sống khoan dung và có lòng tự hào về bản thân và đất nước mình. Ở Singapore các nền văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng đều được trân trọng. Tuy nhiên

với đa số là người Hoa thì Nho giáo chiếm vai trò chủ đạo. Thủ tướng Lý Quang Diệu cho rằng Khổng học giáo dục nhân cách con người tốt hơn và muốn duy trì xã hội tốt đẹp thì không thể không giữ gìn các giá trị truyền thống, xây dựng một người Singapore mang đậm màu sắc Trung Hoa truyền thống. Tôn trọng kỷ cương, cần cù trong lao động, tự lực, tôn trọng thành tựu chung... Chính phủ rất chú trọng giáo dục Nho học trong thanh thiếu niên chính vì thế năm 1984 Bộ giáo dục Singapore hình thức đưa môn Khổng giáo thành môn lí luận chung cho tất cả các trường Phổ thông. Song song với đó nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa, thể thao, giải trí, nghệ thuật biểu diễn... là các hoạt động bên lề của giáo dục

Giáo dục của Nhật Bản được xây dựng trên nền tảng các giá trị gia đình và văn hóa truyền thống, được thực hiện ưu tiên so với tất cả môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông. Nhiều nước trên thế giới quan niệm rằng nội dung giáo dục đạo đức truyền thống cần tập trung đào luyện những phẩm chất cơ bản của nhân cách như tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác... trong khi Nhật Bản hướng đến việc bảo tồn các giá trị xã hội của dân tộc. Đặc trưng giáo dục đạo đức ở Nhật Bản tập trung vào ba điểm: lòng tôn trọng cuộc sống, quan hệ cá nhân và cộng đồng và ý thức về trật tự dọc. Trật tự dọc được xem là một tôn ti xã hội nghiêm ngặt và là yếu tố quan trọng tạo nên sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội của quốc gia Nhật Bản. Việc giáo dục các giá trị truyền thống cho HS của Nhật Bản thông qua nhiều hình thức phong phú và đa dạng cụ thể Nhật Bản thực hiện qua toàn thể các môn học, qua các hoạt động đặc biệt và qua sinh hoạt hằng ngày. Chương trình giáo dục đạo đức khung được xây dựng trên nền tảng luật pháp quốc gia, với bộ tiêu chuẩn mà tất cả các trường từ công lập đến tư thục đều phải thực hiện.

Tóm lại, Giáo dục BSVHDT của một số nước trên thế giới đều hướng đến bảo tồn và gìn giữ các giá trị cốt lõi truyền thống của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại.

1.1.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam

Dân tộc Việt Nam trải qua hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước với 54 dân tộc anh em đã tồn tại và phát triển. Ở mỗi một dân tộc đều có những nét văn hóa riêng. Ở mỗi thời đại, việc đánh giá về những giá trị đó đều có dấu ấn của lịch sử, của thời đại.

Thời kỳ thực dân phong kiến, mặc dù đã có hệ thống trường học do chế độ thực dân xây dựng với mục tiêu của giáo dục đào tạo là phục vụ mục đích xâm lược và chính sách cai trị của chế độ thực dân, vì thế việc giáo dục bảo tồn bản sắc văn hoá các dân tộc nói chung và dân tộc thiểu số nói riêng trong trường học là đi ngược lại chính sách nô dịch văn hoá bản địa của chế độ thực dân phong kiến, nên chưa có công trình nào nghiên cứu về giáo dục bảo tồn bản sắc văn hoá, giá trị văn hóa truyền thống trong nhà trường, chỉ có một số công trình nghiên cứu về đặc điểm văn hóa của các dân tộc nhằm mục đích phục vụ cho chính sách "chia để trị" của chế độ thực dân phong kiến.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên khi truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam đã kết hợp một cách đúng đắn, sáng tạo giữa tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây, giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người đã rất nhiều lần nhấn mạnh việc giáo dục bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá, các giá trị truyền thống của các dân tộc Việt Nam. Trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những mục tiêu cơ bản mà cách mạng Việt Nam cần phải đạt được trong lĩnh vực văn hoá là: *“Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc, đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính dân tộc, khoa học và đại chúng”* [14, tr.173]. Chủ trương trên đây thể hiện rõ ràng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giá trị văn hoá dân tộc. Người cho rằng: *“Càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-*

Lênin bao nhiêu thì càng phải coi trọng những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cha ông bấy nhiêu” [18, tr.554]. Người đời phải biết giữ gìn vốn văn hoá quý báu của dân tộc, khôi phục những yếu tố tích cực trong kho tàng văn hoá dân tộc, loại bỏ những yếu tố tiêu cực trong đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Đây là quan điểm bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc có chọn lọc của Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này là một kho tàng lý luận có tính thực tiễn vô giá để lại cho Đảng và nhân dân ta tiếp tục nghiên cứu vận dụng trong công cuộc hội nhập và thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

Vào thời kỳ đất nước đổi mới, nhất là những năm gần đây có nhiều công trình, đề tài khoa học, hội thảo khoa học về lĩnh vực văn hóa đã công bố liên quan đến đề tài với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau như: tác giả Trần Văn Giàu với "*Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*" (1980); tác giả Trần Ngọc Thêm, với tác phẩm: "*Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*"(2001); "*Cơ sở văn hóa Việt Nam*", (1997) đã cung cấp những kiến thức, khái niệm cơ sở nền tảng cho ngành văn hóa học. Tác phẩm "*Bản sắc văn hóa Việt Nam*" của tác giả Phan Ngọc (2002); tác giả Phạm Hồng Quang đã biên soạn cuốn sách "*Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên sư phạm*" (2002) .Tác giả Trần Mạnh Thường có tác phẩm "*Việt Nam văn hóa và giáo dục*" (2010). Với quan điểm dân tộc học, tác giả Phan Hữu Dật có tác phẩm "*Góp phần nghiên cứu dân tộc học Việt Nam*" (2004). Bên cạnh đó cũng có đề tài Luận án Tiến sĩ của tác giả Trần Thị Minh Huệ "*GDBSVHDT cho sinh viên sư phạm miền núi Đông Bắc Việt Nam thông qua tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp*", (2010); Luận văn thạc sĩ của tác giả Phạm Lê Thanh "*Quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh trường Dân tộc nội trú tỉnh Điện Biên*" (2014).

Hầu hết các tài liệu, công trình nghiên cứu cũng đã đề cập đến những nét văn hóa truyền thống của các dân tộc, việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đó. Cũng có một số công trình nghiên cứu về việc giữ gìn bản sắc văn

hóa dân tộc trong giai đoạn hội nhập nhưng đối tượng không phải là giáo dục học sinh. Luận văn thạc sỹ của tác giả Phạm Lê Thanh cũng đã đề cập đến vấn đề quản lý hoạt động giáo dục BSVH dân tộc song đối tượng là học sinh ở các trường THPT.

1.2. Một số khái niệm công cụ của đề tài

1.2.1. Khái niệm quản lý, quản lý giáo dục

1.2.1.1. Khái niệm quản lý

Trong khoa học quản lý, khái niệm “quản lý” được coi là một trong những khái niệm công cụ đặc biệt quan trọng. Vì thế, các nhà khoa học quản lý đã đưa ra nhiều khái niệm về quản lý. Tùy theo cách tiếp cận, quản lý được hiểu với nhiều cách khác nhau như sau:

Theo Fayol: *"Quản lý là một hoạt động mà mọi tổ chức đều có, nó gồm năm yếu tố tạo thành là: kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, điều chỉnh và kiểm soát. Quản lý chính là thực hiện kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo điều chỉnh và kiểm soát ấy"* [dẫn theo 9, tr.31].

Quản lý là nghệ thuật biết rõ ràng, chính xác cái gì cần làm và làm cái đó như thế nào, bằng phương pháp tốt nhất, rẻ nhất (William - Tay Lor) [dẫn theo 13].

Theo tác giả Đặng Quốc Bảo thì: *"Quản lý bao gồm: Quản có nghĩa là duy trì ổn định, lý là làm cho phát triển. Vậy quản lý là làm cho ổn định và phát triển"* [7, tr.6].

Theo tác giả Nguyễn Quốc Chí và tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc: *"Quản lý là sự tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý (người quản lý) đến khách thể quản lý (người bị quản lý), trong tổ chức - nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích của tổ chức"* [9, tr. 9]. Cũng theo đó các tác giả còn phân định rõ hơn về hoạt động quản lý: *"Quản lý là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo (lãnh đạo) và kiểm tra"* [9, tr.9].

Theo Phạm Việt Vượng (2003), *"Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm chỉ huy, điều hành, hướng dẫn các"*

quá trình xã hội và hành vi của cá nhân hướng đến mục đích hoạt động chung và phù hợp với quy luật khách quan” [dẫn theo 19, tr.40].

Các tác giả Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006) cho rằng: “Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu đề ra” [20, tr.12].

Các khái niệm trên về “quản lý” được trình bày khác nhau về ngôn từ, cách diễn đạt song chúng có những đặc điểm chủ yếu sau: Hoạt động quản lý là những tác động có tính hướng đích (sự tác động có tổ chức, có mục đích...) của chủ thể quản lý lên khách thể quản lý bằng các chế định xã hội, bằng tổ chức nguồn nhân lực, tài lực và vật lực, phẩm chất, uy tín của cơ quan quản lý hoặc người quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của tổ chức để đạt được mục đích trong điều kiện môi trường luôn biến động; Hoạt động quản lý được tiến hành trong một tổ chức hay một nhóm xã hội; Hoạt động quản lý phải phù hợp với quy luật khách quan; Hoạt động quản lý là những tác động phối hợp nỗ lực của các cá nhân nhằm thực hiện mục tiêu của tổ chức.

Chúng tôi đồng ý với khái niệm: Quản lý là quá trình tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý trong một tổ chức, thông qua công cụ và phương pháp quản lý nhằm làm cho tổ chức đó vận hành thuận lợi và đạt được mục tiêu đề ra.

1.2.1.2. Khái niệm quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục chính là một quá trình tác động có định hướng của nhà quản lý giáo dục (chủ thể) trong việc vận hành những nguyên lý, phương pháp... chung nhất của khoa học quản lý vào lĩnh vực giáo dục nhằm đạt những mục tiêu giáo dục đề ra. Chủ thể quản lý là trung tâm thực hiện các tác động có mục đích của giáo dục, trung tâm ra quyết định điều hành và kiểm tra các hoạt động của hệ thống giáo dục theo mục tiêu đề ra. Đối tượng quản lý giáo dục bao gồm nguồn nhân lực của giáo dục, cơ sở vật chất kỹ thuật của giáo dục và

các hoạt động có liên quan đến việc thực hiện chức năng của giáo dục, đó chính là những đối tượng chịu sự tác động của cán bộ quản lý (chủ thể) để thực hiện và biến đổi phù hợp với ý chí của chủ thể quản lý đã đề ra.

Theo Trần Kiểm, xét về cấp độ có thể hiểu khái niệm quản lý giáo dục như sau: Ở cấp vĩ mô, “*quản lý giáo dục là hoạt động tự giác của chủ thể quản lý nhằm huy động, tổ chức, điều phối, điều chỉnh, giám sát,... một cách có hiệu quả các nguồn lực giáo dục (nhân lực, vật lực, tài lực) phục vụ cho mục tiêu phát triển giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội*” [11, tr.10].

Ở cấp vi mô, “*quản lý giáo dục thực chất là những tác động của chủ thể quản lý vào quá trình giáo dục (được tiến hành bởi tập thể giáo viên và học sinh, với sự hỗ trợ đắc lực của các lực lượng xã hội) nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách học sinh theo mục tiêu đào tạo của nhà trường*” [11, tr.12].

1.2.2. Khái niệm Văn hóa, Bản sắc văn hóa dân tộc

1.2.2.1. Khái niệm Văn hóa

Thuật ngữ văn hóa đã xuất hiện từ lâu trong ngôn ngữ nhân loại nhưng cho đến nay vẫn là một trong những khái niệm phức tạp và khó xác định. UNESCO đã nhìn nhận khái niệm này theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, văn hóa là một phức thể, tổng hợp các đặc trưng, diện mạo về tinh thần, vật chất khắc họa nên bản sắc của một cộng đồng, gia đình, làng xóm, vùng miền, quốc gia, xã hội. Văn hóa không chỉ bao gồm nghệ thuật, văn chương mà cả lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những truyền thống, tín ngưỡng... Theo nghĩa hẹp, văn hóa là một tổng thể những hệ thống biểu tượng, kí hiệu chi phối cách ứng xử và giao tiếp trong một cộng đồng khiến cho cộng đồng ấy có đặc thù riêng.

Văn kiện Hội nghị lần thứ IV BCHTW khóa VII nêu: “Có nhiều định nghĩa về văn hóa, nhưng tựu chung có ba loại: *Một là*, văn hóa hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả trình độ phát triển vật chất và tinh thần; *Hai là*, văn hóa hiểu theo nội dung bao gồm cả khoa học, kĩ thuật, giáo dục, văn học, nghệ

thuật; *Ba là*, văn hóa đặt trong phạm vi nếp sống, lối sống, đạo đức xã hội, văn học nghệ thuật. Theo chúng tôi, văn hóa đặt trong phạm vi nếp sống, lối sống, đạo đức xã hội, văn học nghệ thuật.

1.2.2.2. *Khái niệm Bản sắc*

Thuật ngữ "bản sắc" thường được sử dụng gắn với văn hóa thành cụm từ "Bản sắc văn hoá" và có thể hiểu bản sắc văn hoá là hệ thống các giá trị đặc trưng bản chất của một nền văn hoá được xác lập, tồn tại, phát triển trong lịch sử và được biểu hiện thông qua nhiều sắc thái văn hóa. Trong bản sắc văn hóa, các giá trị đặc trưng bản chất là cái trừu tượng, tiềm ẩn, bền vững; còn các sắc thái biểu hiện của nó có tính tương đối cụ thể, bộc lộ và tính biến đổi.

1.2.2.3. *Khái niệm Bản sắc văn hóa dân tộc*

"Bản sắc văn hoá dân tộc" là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần được dân tộc sáng tạo ra trong lịch sử, là những nét độc đáo rất riêng của dân tộc này so với dân tộc khác. Xét về bản chất, bản sắc văn hóa dân tộc thể hiện tinh thần, linh hồn, cốt cách, bản lĩnh của một dân tộc. Đây được coi là "dấu hiệu khác biệt về chất" giữa dân tộc này với dân tộc khác. Tại Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hóa họp ở Venise, F.Mayor - nguyên Tổng giám đốc UNESCO đã đưa ra một định nghĩa khái niệm văn hóa trên cơ sở nhấn mạnh tính đặc thù của bản sắc văn hoá dân tộc: "Văn hoá bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống và lao động" [dẫn theo 18, tr.798]. Trong quan hệ quốc tế, bản sắc văn hóa dân tộc được xem như cái "thẻ căn cước", là cốt cách của mỗi dân tộc thể hiện trên mọi phương diện.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, bản sắc văn hoá là yếu tố mang sức mạnh tinh thần dân tộc, giúp dân tộc vượt qua những thử thách của lịch sử, bởi vì theo tác giả *Trần Văn Bính* thì "bản sắc dân tộc là tổng thể những phẩm chất, tính cách, khuynh hướng cơ bản thuộc sức mạnh tiềm tàng và sức sáng tạo của một dân tộc trong lịch sử tồn tại và phát triển của dân tộc đó, giúp cho dân tộc đó giữ vững được tính duy nhất, tính thống nhất, tính nhất quán so với bản thân

mình trong quá trình phát triển” và tạo cơ sở cho sự phân biệt, nhận diện sự khác nhau giữa tộc người này với tộc người khác, dân tộc này với dân tộc khác. Bản sắc văn hoá nhìn một cách tổng thể của bất kỳ dân tộc nào, đều gắn bó với lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của chính dân tộc đó [dẫn theo 18, tr.20].

Nhà thơ Tố Hữu đã khẳng định: *“Trong đồng bào các dân tộc thiểu số, BSVH biểu hiện đậm đà nhiều mặt. Dân tộc nào cũng có tinh thần dũng cảm trong sản xuất và chiến đấu, tinh chân thật thủy chung, lòng thương người mến khách. Ở nhà sàn, ăn cơm nếp, uống rượu cần. Đội mũ, khăn, áo, quần nhiều màu sắc, đàn hát, nhảy múa đông người... Những đức tính và nét sinh hoạt đó thường nổi bật trong đời sống của đồng bào ở miền núi”* [2, tr.26].

Nhìn nhận về giá trị bản sắc văn hoá Việt Nam, Đảng cộng sản Việt Nam đã tổng kết tại *Văn kiện Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII*: *“Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”* [dẫn theo 18, tr.7].

Tiến trình lịch sử phát triển của cộng đồng dân tộc Việt Nam cho thấy các giá trị bản sắc văn hóa của từng tộc người, từng dân tộc không phải ngẫu nhiên được hình thành mà đó là sản phẩm tất yếu của hoàn cảnh địa lý, lịch sử và chính trị. Các giá trị cốt lõi của bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc đã làm nên BSVH Việt Nam. Bản sắc dân tộc của văn hoá Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa được vun đắp qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, tạo thành những nét đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam.

Từ những khái niệm của các tác giả trên, theo chúng tôi “BSVH dân tộc là hệ thống các giá trị, truyền thống, thẩm mỹ và lối sống của dân tộc tạo thành những đặc trưng tiêu biểu, tiến bộ, riêng biệt, không thể trộn lẫn nền văn hoá của dân tộc này với dân tộc khác”. BSVH dân tộc biểu hiện cho sức sống, sự sáng tạo và phát triển của dân tộc đó. Trong khuôn khổ của luận văn, BSVH dân tộc được hiểu theo nghĩa hẹp hơn, đó là những đặc trưng tiêu biểu, tiến bộ, riêng biệt của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên.

1.2.3. Khái niệm Giáo dục, Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc

1.2.3.1. Khái niệm giáo dục

Giáo dục (tiếng Anh: education) theo nghĩa chung là hình thức học tập theo đó kiến thức, kỹ năng, và thói quen của một nhóm người được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua giảng dạy, đào tạo, hay nghiên cứu. Giáo dục thường diễn ra dưới sự hướng dẫn của người khác, nhưng cũng có thể thông qua tự học. Bất cứ trải nghiệm nào có ảnh hưởng đáng kể lên cách mà người ta suy nghĩ, cảm nhận, hay hành động đều có thể được xem là có tính giáo dục. Giáo dục thường được chia thành các giai đoạn như giáo dục tuổi ấu thơ, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học và giáo dục đại học.

* Giáo dục (theo nghĩa rộng):

Là quá trình hình thành nhân cách được tổ chức một cách có mục đích, có tổ chức thông qua các hoạt động và các quan hệ giữa nhà giáo dục với người được giáo dục nhằm giúp người được giáo dục chiếm lĩnh những kinh nghiệm xã hội của loài người.

* Giáo dục (theo nghĩa hẹp):

Đó là một bộ phận của quá trình sư phạm, là quá trình hình thành những cơ sở khoa học của thế giới quan, niềm tin, lý tưởng, động cơ, tình cảm, thái độ, những tính cách, những hành vi, thói quen cư xử đúng đắn trong xã hội, kể cả việc phát triển và nâng cao thể lực.

Theo tác giả: *Giáo dục được hiểu là quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người theo yêu cầu xã hội. Được tổ chức có mục đích, có kế hoạch,*

được tiến hành dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục nhằm giúp đối tượng giáo dục phát triển về: Trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, thế giới quan, nhân sinh quan, ... giúp họ biến kinh nghiệm xã hội - lịch sử thành kinh nghiệm bản thân.

1.2.3.2. Khái niệm giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc

Giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc là một quá trình xã hội được tổ chức có mục đích, có kế hoạch. Trong đó, dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục, đối tượng giáo dục tích cực, chủ động tiếp nhận, bổ sung và hoàn thiện hệ thống giá trị bản sắc văn hóa truyền thống, tinh hoa của dân tộc và nhân loại đồng thời gạt bỏ những thói quen, tập tục lạc hậu, lỗi thời để những giá trị bền vững luôn sống động với thực tiễn.

Bên cạnh việc giáo dục đạo đức, hình thành những phẩm chất tốt đẹp của con người, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ, giáo dục ý chí độc lập tự cường cho các em HS, v.v... thì giáo dục BSVHDT là một nội dung quan trọng trong GD HS ở nhà trường hiện nay. Trong giáo dục BSVHDT cần giúp HS nhận thức một cách đầy đủ, toàn diện và sâu sắc về những giá trị vật chất và giá trị tinh thần trong nền văn hóa Việt Nam, hiểu biết về những nét văn hóa của các dân tộc khác nhau trong cộng đồng, có thái độ tôn trọng và ý thức bảo tồn những nét văn hóa độc đáo đó cũng như hình thành các hành vi ứng xử đúng mực đối với những nét văn hóa đặc trưng của các dân tộc anh em khác nhau cùng chung sống trên đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.

1.2.4. Khái niệm hoạt động trải nghiệm

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, kế hoạch giáo dục bao gồm các môn học, chuyên đề học tập (gọi chung là môn học) và hoạt động trải nghiệm ; hoạt động giáo dục (theo nghĩa rộng) bao gồm hoạt động dạy học và hoạt động trải nghiệm.

Theo chúng tôi, Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Hoạt động trải nghiệm trong nhà trường cần được hiểu là hoạt động có động cơ, có đối tượng để chiếm lĩnh, được tổ chức bằng các việc làm cụ thể của học sinh, được thực hiện trong thực tế, được sự định hướng, hướng dẫn của nhà trường. Đối tượng để trải nghiệm nằm trong thực tiễn. Qua trải nghiệm thực tiễn, người học có được kiến thức, kỹ năng, tình cảm và ý chí nhất định. Sự sáng tạo sẽ có được khi phải giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn phải vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để giải quyết vấn đề, ứng dụng trong tình huống mới, không theo chuẩn đã có, hoặc nhận biết được vấn đề trong các tình huống tương tự, độc lập nhận ra chức năng mới của đối tượng, tìm kiếm và phân tích được các yếu tố của đối tượng trong các mối tương quan của nó, hay độc lập tìm kiếm ra giải pháp thay thế và kết hợp được các phương pháp đã biết để đưa ra hướng giải quyết mới cho một vấn đề.

Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như hoạt động câu lạc bộ, tổ chức trò chơi, diễn đàn, sân khấu tương tác, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, sân khấu hóa (kịch, thơ, hát, múa rối, tiểu phẩm, kịch tham gia,...), thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,...

Mỗi một hình thức hoạt động trên đều tiềm tàng trong nó những khả năng giáo dục nhất định. Nhờ các hình thức tổ chức đa dạng, phong phú mà việc giáo dục học sinh được thực hiện một cách tự nhiên, sinh động, nhẹ nhàng, hấp dẫn, không gò bó và khô cứng, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý cũng như nhu cầu, nguyện vọng của học sinh.

1.2.5. Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

Giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh được hiểu là một hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của

đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động để nâng cao nhận thức; hình thành thái độ, tình cảm tích cực; hình thành và phát triển hành vi và thói quen phù hợp với giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp cho học sinh. Đây là quá trình dưới vai trò chủ đạo của giáo viên, học sinh biết giữ gìn và phát huy các giá trị BSVHDT trong cuộc sống, biết lựa chọn và loại bỏ những giá trị không còn phù hợp với điều kiện thực tiễn.

1.2.6. Quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

Thực chất của quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc chính là quản lý về mục tiêu giáo dục BSVHDT, quản lý về nội dung, chương trình giáo dục BSVHDT, quản lý về kế hoạch giáo dục BSVHDT, quản lý về đội ngũ, các điều kiện đảm bảo và quản lý công tác kiểm tra đánh giá, quản lý công tác phối hợp các lực lượng giáo dục tham gia vào hoạt động giáo dục BSVHDT ở trường phổ thông. Vì vậy có thể hiểu:

Quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS chính là một quá trình tác động có định hướng của nhà quản lý giáo dục (chủ thể) trong việc vận hành những nguyên lý, phương pháp ... chung nhất của khoa học quản lý vào các hoạt động trải nghiệm nhằm đạt những mục tiêu giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc đã đề ra.

1.3. Một số vấn đề về giáo dục giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

1.3.1. Đặc điểm trường PT Dân tộc nội trú THCS và học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS

1.3.1.1. Đặc điểm trường PT Dân tộc nội trú THCS

Trường PTDTNT THCS là loại hình trường chuyên biệt nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà nước thành lập trường PTDTNT THCS nhằm đào tạo bậc học THCS cho đối tượng là con em các dân tộc thiểu số, con em các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện KT- XH khó khăn, là nơi đào tạo cán bộ cho các vùng dân tộc.

Trường PTDTNT THCS có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển KT-XH và củng cố an ninh quốc phòng ở các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa.

Trường PTDTNT THCS là loại trường chuyên biệt mang tính phổ thông, dân tộc và nội trú. Trường PTDTNT THCS còn là nơi để thực hiện chế độ chính sách của Đảng, nhà nước đối với học sinh phổ thông dân tộc thiểu số một cách khá đầy đủ và toàn diện nhất.

Đề đào tạo nguồn cán bộ là con em dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện KT- XH đặc biệt khó khăn, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể giao cho trường PTDTNT cấp huyện đào tạo cả cấp THPT; bộ chủ quản có thể giao cho trường PTDTNT thuộc bộ đào tạo dự bị đại học và cấp THCS.

1.3.1.2. Đặc điểm học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS

Thông tư Số: 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định:

Điều 18. Đối tượng tuyển sinh

1. Thanh niên, thiếu niên là người DTTS có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.

2. Thanh niên, thiếu niên là người DTTS không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định là vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thì cũng thuộc diện tuyển sinh vào trường PTDTNT.

3. Trường PTDTNT được phép tuyển sinh không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển mới hằng năm là con em người dân tộc Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của HS

Ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn của HS được quy định tại Điều lệ trường trung học hiện hành, HS trường PTDTNT còn có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc mình, tôn trọng văn hóa của các dân tộc khác.

2. Chấp hành nghiêm túc sự phân công đi học ngành, nghề và sự phân công công tác theo yêu cầu của địa phương.

3. Được ăn, ở, sinh hoạt trong khu nội trú và được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

Như vậy, HS trường PTDTNT THCS là những thiếu niên người DTTS có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành. Các em được xét duyệt và cử tuyển vào học tại trường theo yêu cầu của địa phương. 100% HS được ăn, ở, sinh hoạt trong khu nội trú và được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

1.3.2. Một số vấn đề về hoạt động trải nghiệm ở trường THCS

a. Đặc trưng của hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm là một dạng hoạt động giáo dục. Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như hoạt động câu lạc bộ, tổ chức trò chơi, diễn đàn, sân khấu tương tác, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, sân khấu hóa (kịch, thơ, hát, múa rối, tiêu phẩm, kịch tham gia,...), thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,... Hoạt động trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển phẩm chất nhân cách, các năng lực tâm lý - xã hội...; giúp học sinh tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình, làm tiền đề cho mỗi cá nhân tạo dựng được sự nghiệp và cuộc sống hạnh phúc sau này.

Chính vì vậy việc giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm ở trường PT DTNT THCS có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đó không chỉ là điều kiện để mỗi học sinh được thể hiện mà còn được giao lưu học hỏi. Qua hoạt

động trải nghiệm, học sinh được hòa nhập với bạn bè, hiểu biết về văn hóa, lối sống của các dân tộc, từ đó biết điều chỉnh, tiếp thu những giá trị văn hóa tích cực và tạo nên sự hòa nhập, thân thiện với tập thể bạn bè, thầy cô. Hoạt động trải nghiệm tạo ra môi trường tốt để tăng cường sự đoàn kết các dân tộc.

b. Ưu thế của hoạt động trải nghiệm trong giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh PT DTNT THCS

- Xét về cấu trúc các mục tiêu và nhiệm vụ cần đạt được trong tổ chức hoạt động giáo dục nói chung thì các mục tiêu giáo dục của hoạt động trải nghiệm đều có tính bao trùm lên yêu cầu giáo dục BSVHDT cho học sinh (giáo dục nhận thức về các giá trị BSVHDT, giáo dục về thái độ, tình cảm, động cơ tích cực trong tiếp nhận các giá trị BSVHDT, giáo dục hành vi và thói quen ứng xử phù hợp với giá trị văn hóa dân tộc). Vì thế, việc xác định chính xác các mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục BSVHDT cho học sinh sẽ dễ thực hiện được trong tổ chức hoạt động trải nghiệm .

- Giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh là gắn hoạt động của học sinh với các phương pháp, hình thức thể hiện sinh động trong thực tiễn như tham quan, diễn đàn, hội thi.... Tính phong phú và đa dạng của hoạt động trải nghiệm vừa đậm đà BSVHDT vừa hướng tới hiện đại làm cho các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giáo dục BSVHDT trở nên dễ dàng thực hiện và đạt kết quả cao.

- Xuất phát từ chương trình giáo dục và đặc điểm nhân cách lứa tuổi học sinh THCS, tổ chức hoạt động trải nghiệm hợp lý vừa thỏa mãn các nhu cầu chính đáng, tiết kiệm giúp học sinh phát triển nhân cách vừa tạo những sân chơi lành mạnh.

- Hoạt động trải nghiệm là hoạt động tập thể, với tính tổ chức, tính kỉ luật, tính tập thể cao. Giáo dục BSVHDT cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm còn hình thành cho học sinh năng lực tổ chức hoạt động, năng lực thích ứng, năng lực tự hoàn thiện cũng như một số kĩ năng cần thiết khác như kĩ năng giao tiếp, ứng xử....

Qua sự phân tích trên cho thấy: hoạt động trải nghiệm trong trường PT DTNT THCS là một con đường, phương tiện khả thi trong giáo dục BSVHDT cho học sinh. Tuy nhiên để đạt hiệu quả cao thì hoạt động trải nghiệm cần đảm bảo một số yêu cầu nhất định:

c. Những yêu cầu trong giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT DTNT THCS

- Đảm bảo tính mục đích giáo dục

Tổ chức hoạt động trải nghiệm cần hướng đến thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục của nhà trường đồng thời cần đảm bảo mục tiêu giáo dục BSVHDT cho học sinh. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc quan trọng nhất; là nền tảng để xác định các hình biện pháp giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh, tính mục đích phải được quán triệt trong mọi hoạt động trải nghiệm .

- Đảm bảo tính kế hoạch, tính tổ chức

Giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh cần phải đảm bảo thực hiện theo kế hoạch, tránh được sự chòng chéo các nội dung, phương pháp, hình thức thể hiện. Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm phải được xây dựng ngay từ đầu năm học, cần thể hiện rõ tên hoạt động, mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức gắn với thời gian, trách nhiệm của các lực lượng tham gia, sự phân bổ các nguồn lực và đánh giá hoạt động.

1.3.3. Mục tiêu của giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS

- Giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS là thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa. Đảng ta xác định: "Văn hóa là một trong ba mặt trận: kinh tế, chính trị, văn hóa", vì vậy, "phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được công cuộc cải tạo xã hội" và "Đảng tiên phong lãnh đạo văn hóa tiên phong"; đồng thời, đề ra ba nguyên tắc cuộc vận động văn hóa mới: Dân tộc, đại chúng, khoa học.

Đồng thời, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người; chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục nhấn mạnh, phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; quan tâm chăm lo xây dựng, hoàn thiện những phẩm giá nhân cách tốt đẹp của con người Việt Nam.

- Giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm là góp phần phát triển bền vững nhân cách cho thế hệ trẻ nói chung, học sinh THCS nói riêng đặc biệt là đối với HS trường PT STNT THCS.

1.3.4. Nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT Dân tộc nội trú THCS

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. “Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã -tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”. Bản sắc văn hóa dân tộc là cơ sở để liên kết xã hội và liên kết các thế hệ, tạo nên sức mạnh tinh thần của dân tộc.

Trong khuôn khổ của đề tài những nội dung giáo dục BSVHDT cho học sinh PT DTNT THCS về những phong tục tập quán tốt của dân tộc của địa phương. Nội dung này chủ yếu giáo dục cho học sinh về phong tục tập quán của người dân tộc Tày-Nùng ở Thái Nguyên.

Học sinh là người dân tộc Tày-Nùng chiếm trên 70% tổng số học sinh toàn trường, người dân tộc Tày-Nùng sống quần tụ thành làng, xóm định cư ở vùng thấp thường là nơi có nguồn nước dồi dào. Nghề nghiệp chính là trồng

lúa nước, canh tác nương rẫy trồng thêm các hoa màu khác và chăn nuôi gia súc, gia cầm. phụ nữ Tày-Nùng còn trồng bông, dệt vải, nuôi tằm lấy tơ để dệt vải may áo.

- Ngành nghề, cách thức tổ chức sản xuất: Lao động sản xuất của người Tày gắn với các kỹ thuật làm ruộng, làm rẫy, làm vườn, chăn nuôi, dệt vải, thêu, mộc, làm mật....

- Lối cư trú: định cư với các kiểu nhà sàn và nhà đất và sinh hoạt trong gia đình.

- Ăn uống: Thức ăn chính là cơm, các loại rau rừng (ngót, bò khai, măng...) và rau trồng; các loại bánh vào những dịp lễ, tết: bánh chưng, bánh gai, bánh cuốn, bánh khảo, chè lam, xôi nếp....

- Trang phục: làm từ vải chàm. Phụ nữ vấn khăn, mặc áo năm thân, cài sang bên phải, thắt lưng, mặc quần hay váy. Y phục cổ truyền của nam giới là chiếc áo dài quá đầu gối.

- Tiếng Tày và tiếng Nùng cùng hệ ngôn ngữ Tày - Thái, trong lịch sử đã phát triển đến chữ viết. Năm 1961, nhà nước chủ trương xây dựng bộ chữ Tày, Nùng theo bộ chữ cái Latinh dùng để biên soạn sách giáo khoa cấp 1, được giới văn nghệ sỹ dùng làm phương tiện sáng tác, các nhà khoa học dùng để ghi chép, văn bản hoá văn học dân gian.

- Phong tục tập quán: Thờ cúng tổ tiên, Thờ thổ công, phật bà quan âm, bà mụ, vua bếp, thần thành hoàng. Một số tục lệ: Tục cưới xin, lễ ăn mừng trẻ đầy tháng, tang ma....

- Lễ hội: Lễ tết: tết nguyên đán; tết mừng 3 tháng 3; tết 14 tháng 7; tết mừng 5 tháng 5; tết cơm mới 10 tháng 10. Lễ hội nổi tiếng là Lễ hội Lồng Tồng với ý nghĩa cầu mùa. Các trò chơi trong các dịp lễ hội: ném còn, kéo co, đẩy gậy....

- Gia đình: gia đình người Tày - Nùng là gia đình phụ hệ, con cái lấy họ cha.

- Văn học, âm nhạc: Thơ ca dân gian gồm nhiều thể loại: đồng dao, dân ca (chia làm 2 nhóm: nhóm hát giao duyên; nhóm dân ca nghi lễ có hát quan làng, hát vào nhà mới, hát then....Dụng cụ âm nhạc là Đàn tính.

Trong hệ thống giá trị văn hóa trên có những giá trị tích cực, cần giáo dục cho học sinh; đồng thời, những giá trị lạc hậu, cổ hủ, không còn phù hợp với đời sống đương đại cần nhận diện, loại bỏ. Quá trình giáo dục BSVHDT cho học sinh PT DTNT THCS thông qua hoạt động trải nghiệm là quá trình cùng với việc lựa chọn các giá trị văn hóa tốt đẹp (trang phục truyền thống, tục thờ cúng tổ tiên, các làn điệu dân ca, các lễ hội truyền thống, các trò chơi dân gian...của dân tộc Tày-Nùng tỉnh Thái Nguyên) để giáo dục, hình thành cho học sinh, cần giúp học sinh có cách nhìn nhận, đánh giá và thái độ, hành vi đúng đắn trong việc loại bỏ các giá trị cổ hủ, lạc hậu, không còn phù hợp trong điều kiện hiện nay.

1.3.5. Phương pháp giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT Dân tộc nội trú THCS

Phương pháp tổ chức giáo dục BSVHDT hoạt động trải nghiệm cho HS ở trường phổ thông rất đa dạng và phong phú. Ở đây có sự phối hợp giữa phương pháp giáo dục với phương pháp dạy học, trên cơ sở đó GV vận dụng cho phù hợp với nội dung và hình thức hoạt động đã lựa chọn. Có một số phương pháp cơ bản sau đây:

* *Phương pháp thảo luận nhóm*: là một dạng tương tác nhóm mà trong đó các thành viên đều tự giải quyết vấn đề cùng quan tâm nhằm đạt được sự hiểu biết chung. Thảo luận tạo ra cơ hội cho học sinh bày tỏ ý kiến và kiểm chứng ý kiến của mình, có cơ hội hiểu nhau hơn. Giáo viên có thể vận dụng phương pháp này gắn với nội dung giáo dục BSVHDT về trang phục dân tộc, có thể cho HS thảo luận nhóm để so sánh về trang phục của dân tộc Tày-Nùng với trang phục của các nhóm dân tộc khác (Dao, Sán Dìu, Cao Lan...)

* *Phương pháp sắm vai*: phương pháp này được sử dụng nhiều để đạt

mục tiêu thay đổi thái độ của học sinh đối với một vấn đề hay một đối tượng nào đó. Phương pháp sắm vai có hiệu quả trong việc rèn kỹ năng sống và kỹ năng giao tiếp cho học sinh. Trên cơ sở kiến thức đã được lĩnh hội qua các môn học, qua các phương tiện thông tin đại chúng, giáo viên có thể vận dụng phương pháp này tổ chức cho HS sắm vai các vị anh hùng là người dân tộc (Tày, Nùng) qua đó giáo dục cho HS BSVHDT về trang phục, phong tục tập quán, văn hóa văn nghệ....

* *Phương pháp giải quyết vấn đề*: là con đường quan trọng để phát huy tính tích cực của học sinh. Tuy nhiên phương pháp này khi giải quyết vấn đề không có tính khuôn mẫu nên đòi hỏi học sinh phải tự tìm tòi, vượt qua khó khăn. Giáo viên có thể nêu vấn đề về sự khác biệt giữa hoa văn thêu trên trang phục truyền thống của dân tộc Tày, Nùng với hoa văn thêu trên trang phục truyền thống của các dân tộc khác (Dao, Sán Dìu, Cao Lan...).

* *Phương pháp xử lý tình huống*: Tình huống là hoàn cảnh thực tế, trong đó chứa đựng những mâu thuẫn. Người ta phải đưa ra những quyết định dựa trên cơ sở cân nhắc các phương án khác nhau.

* *Phương pháp giao nhiệm vụ*: là đặt học sinh vào vị trí nhất định buộc các em phải thực hiện trách nhiệm cá nhân. Trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm nên giao cho cán bộ lớp để các em chủ động điều hành các hoạt động. Từ đó sẽ giúp các em tích cực chủ động, sáng tạo khả năng giải quyết mọi tình huống trong thực tế. Với phương pháp này giáo viên có thể giao cho HS hoặc một nhóm HS thực hiện chế biến một số món ăn truyền thống của dân tộc Tày, Nùng (com lam, thịt khau nhục...) trong các dịp lễ Tết, để giáo dục BSVHDT về văn hóa ẩm thực cho học sinh.

* *Phương pháp trò chơi*: có thể sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau của hoạt động trải nghiệm như làm quen, tiếp nhận tri thức, đánh giá kết quả, rèn các kỹ năng Giáo viên có thể tổ chức các trò chơi dân gian như: Ném còn, kéo co, đẩy gậy...

1.3.6. Các hình thức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT Dân tộc nội trú THCS

1.3.6.1. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong các giờ học chính khóa

Thông qua việc dạy học bộ môn trong các giờ học chính khóa có thể giáo dục BSVHDT cho học sinh PT DTNT THCS với các hình thức như:

Với bộ môn Lịch sử giáo dục BSVHDT thể hiện thông qua truyền thống yêu nước đấu tranh bất khuất trong dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam anh hùng, truyền thống nhân đạo sâu sắc và rất nhiều những truyền thống, giá trị cao đẹp khác của dân tộc Việt Nam. Hơn tất cả, bộ môn lịch sử có vai trò vô cùng quan trọng trong giáo dục đạo đức truyền thống cho học sinh.

Với bộ môn giáo dục công dân giáo dục BSVHDT thể hiện thông qua việc giáo dục kiến thức, kỹ năng, thái độ hướng học sinh vươn tới những giá trị cơ bản của người công dân Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế. Đó là những giá trị tốt đẹp của dân tộc trong sự hòa nhập với tinh hoa văn hóa nhân loại, thể hiện được sự thống nhất giữa tính truyền thống và tính hiện đại. Nội dung môn Giáo dục công dân phải gắn bó chặt chẽ với cuộc sống, thực tiễn của học sinh, gắn liền với những sự kiện trong đời sống pháp luật, kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương, của đất nước.

Với bộ môn Âm nhạc giáo dục BSVHDT thể hiện thông qua việc dạy các bài hát dân ca, đồng giao, các điệu múa cổ truyền của dân tộc như hát sli, hát lượn, đàn tính. Qua đó các em thêm yêu các nét văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

Với bộ môn Thể dục: đưa nội dung dạy các trò chơi dân gian như: Kéo co, ném còn, đẩy gậy, võ dân tộc vào nội dung tự chọn của môn học.

1.3.6.2. Giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ chính khóa cho HS

Với đặc trưng là trường nội trú, mọi hoạt động của học sinh phần lớn đều diễn ra trong nhà trường. Các hình thức giáo dục BSVH dân tộc cho các em cần được tổ chức một cách đa dạng, linh hoạt, lồng ghép trong các môn học và các

hoạt động giáo dục khác của nhà trường một cách hài hòa, phù hợp, hiệu quả.

Ví dụ như:

a. Tổ chức các câu lạc bộ:

Câu lạc bộ (CLB) là hình thức sinh hoạt ngoại khóa của những nhóm học sinh cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu,... dưới sự định hướng của những nhà giáo dục nhằm tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các học sinh với nhau và giữa học sinh với thầy cô giáo, với những người lớn khác. Có thể tổ chức một số câu lạc bộ như:

- *CLB văn hóa nghệ thuật*: Hát then, Đàn tính...

- *CLB trò chơi dân gian*: kéo co, ném còn, đánh cầu/đá cầu, ô ăn quan, đánh chuyền, đánh khăng, đánh quay, đánh đáo.

- *CLB thể thao*: Đẩy gậy, võ thuật cổ truyền

b. Tổ chức các trò chơi:

Trò chơi là một loại hình hoạt động giải trí, thư giãn; là món ăn tinh thần nhiều bổ ích và không thể thiếu được trong cuộc sống con người nói chung và đặc biệt, đối với thanh thiếu niên học sinh nói riêng, những trò chơi phù hợp nhiều khi có tác dụng giáo dục rất tích cực. Trò chơi là hình thức tổ chức các hoạt động vui chơi với nội dung kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có tác dụng giáo dục “chơi mà học, học mà chơi”.

c. Tổ chức diễn đàn

Diễn đàn là một hình thức tổ chức hoạt động được sử dụng để thúc đẩy sự tham gia của HS thông qua việc các em trực tiếp, chủ động bày tỏ ý kiến của mình với đồng đẳng bạn bè, nhà trường, thầy cô giáo, cha mẹ và những người lớn khác có liên quan. Diễn đàn là một trong những hình thức tổ chức mang lại hiệu quả giáo dục thiết thực. Thông qua diễn đàn, HS có cơ hội bày tỏ suy nghĩ, ý kiến, quan niệm hay những câu hỏi, đề xuất của mình về một vấn đề nào đó có liên quan đến nhu cầu, hứng thú, nguyện vọng của các em; đồng thời đây cũng là dịp để các em biết lắng nghe ý kiến, học tập lẫn nhau. Vì vậy, diễn đàn

như một sân chơi tạo điều kiện để học sinh được biểu đạt ý kiến của mình một cách trực tiếp với đồng đạo bạn bè và những người khác. Diễn đàn thường được tổ chức rất linh hoạt, phong phú và đa dạng với những hình thức hoạt động cụ thể, phù hợp với từng lứa tuổi học sinh.

d. Sân khấu tương tác

Sân khấu tương tác (hay sân khấu diễn đàn) là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên hoạt động diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được sáng tạo bởi những người tham gia. Phần trình diễn chính là một cuộc chia sẻ, thảo luận giữa những người thực hiện và khán giả, trong đó đề cao tính tương tác hay sự tham gia của khán giả.

Mục đích của hoạt động này là nhằm tăng cường nhận thức, thúc đẩy để HS đưa ra quan điểm, suy nghĩ và cách xử lý tình huống thực tế gặp phải trong bất kì nội dung nào của cuộc sống. Thông qua sân khấu tương tác sự tham gia của HS được tăng cường và thúc đẩy, tạo cơ hội cho HS rèn luyện những kỹ năng như: kỹ năng phát hiện vấn đề, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo khi giải quyết tình huống và khả năng ứng phó với những thay đổi của cuộc sống, ...

đ. Tham quan, dã ngoại

Tham quan, dã ngoại là một hình thức tổ chức giáo dục thực tế hấp dẫn đối với HS. Mục đích của tham quan, dã ngoại là để các em HS được đi thăm, tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các thắng cảnh, các di tích lịch sử, văn hóa, công trình, nhà máy hoặc một đại danh nổi tiếng của đất nước ở xa nơi các em đang sống, học tập,... giúp các em có được những kinh nghiệm từ thực tế, từ các mô hình, cách làm hay và hiệu quả trong một lĩnh vực nào đó, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em.

Các chuyến tham quan, dã ngoại sẽ tăng cường cơ hội cho HS được giao lưu, chia sẻ và thể hiện những khả năng vốn có của mình, đồng thời giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương đất nước, hiểu được các giá trị truyền thống và hiện đại.

Nội dung tham quan, dã ngoại có tính giáo dục tổng hợp đối với HS như: giáo dục lòng yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống lịch sử, truyền thống của Đảng, của Đoàn, của đội TNTP HCM. Các lĩnh vực tham quan, dã ngoại có thể được tổ chức ở nhà trường phổ thông là:

e. Hội thi/cuộc thi

Hội thi/cuộc thi là một trong những hình thức tổ chức hoạt động hấp dẫn, lôi cuốn HS và đạt hiệu quả cao trong việc tập hợp, giáo dục, rèn luyện và định hướng giá trị cho tuổi trẻ. Hội thi mang tính chất thi đua giữa các cá nhân, nhóm hoặc tập thể luôn hoạt động tích cực để vươn lên đạt được mục tiêu mong muốn thông qua việc tìm ra người/đội thắng cuộc. Chính vì vậy, tổ chức hội thi cho HS là một yêu cầu quan trọng, cần thiết của nhà trường, của giáo viên trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Mục đích tổ chức hội thi/cuộc thi nhằm lôi cuốn HS tham gia một cách chủ động, tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường; đáp ứng nhu cầu về vui chơi giải trí cho HS; thu hút tài năng và sự sáng tạo của HS; phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của HS, góp phần bồi dưỡng cho các em động cơ học tập tích cực, kích thích hứng thú trong quá trình nhận thức.

1.4. Một số vấn đề về quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh trường PTDTNT THCS

1.4.1. Lập kế hoạch giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc

Với đặc trưng trường PTDTNT THCS, công tác quản lý kế hoạch thực hiện giáo dục BSVH dân tộc cho học sinh các trường PTDTNT THCS là hết sức cần thiết. Để xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giữ gìn BSVH dân tộc ở trường PTDTNT THCS có tính khả thi cần thực hiện tốt các nội dung sau:

- Đảm bảo xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục hàng năm, từng học kỳ của nhà trường.

- Trên cơ sở kế hoạch tổng thể của nhà trường, tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục BSVH dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cụ thể như:

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giáo viên; kế hoạch quản lý về nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức; kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả....

Quản lý hoạt động giáo dục VHDT trong trường PTDTNT THCS được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Bộ giáo dục và đào tạo. Quyết định số 49/QĐ ngày 25/8/2008 về tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT đã quy định cụ thể với từng đối tượng, từng nhiệm vụ cụ thể trong giáo dục VHDT. Bên cạnh đó mỗi nhà trường cần xây dựng kế hoạch và ban hành các qui chế, qui định có tính pháp quy để thúc đẩy hoạt động giáo dục BSVH dân tộc cho học sinh đạt hiệu quả. Làm tốt việc xây dựng kế hoạch giúp cho CBGV, HS căn cứ vào đó mà thực hiện nhiệm vụ và là chứng cứ để người quản lý kiểm tra việc thực hiện. Từ đó có sự điều chỉnh, khen - chê kịp thời.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục BSVH dân tộc cho học sinh. Đây là một nội dung cần thiết bởi vì môi trường để giữ gìn và phát triển BSVHDT không thể chỉ có trong nhà trường. Mà để nuôi dưỡng nó cần có cả môi trường bên ngoài nhà trường với các lực lượng khác tham gia như: gia đình, họ tộc, bản làng, cộng đồng, ...

Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về giáo dục BSVH dân tộc cho đội ngũ giáo viên. Hoạt động giáo dục VHDT trong trường PTDTNT THCS đòi hỏi người tổ chức, người giảng dạy phải có chuyên môn sâu. Hiện tại các trường PTDTNT THCS đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số chưa nhiều, việc am hiểu phong tục, tập quán của các dân tộc đã, đang và sẽ theo học tại trường chưa sâu sắc. Đồng thời hoạt động giáo dục BSVH cần số người tham gia đông, thuộc các lĩnh vực khác nhau. Muốn thực hiện tốt hoạt động này, cần có kế hoạch xây dựng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ, giáo viên có đủ năng lực, có tâm huyết và lòng nhiệt tình để triển khai nhiệm vụ. Bên cạnh đó cũng cần hợp

tác với đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực liên quan để hỗ trợ cho hoạt động giáo dục BSVHDT của nhà trường. Đội ngũ chuyên gia phải là những người hiểu biết sâu, có năng lực tổ chức hoạt động giáo dục học sinh về giá trị VHDT theo từng vùng, miền .

1.4.2. Tổ chức thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc

Trên cơ sở các kế hoạch đã được xây dựng, người quản lý thực hiện các công việc cụ thể chỉ ra những nhiệm vụ chức năng của từng thành viên, thiết lập các mối quan hệ trong mọi hoạt động, đồng thời ra có các quyết định giao việc cho các bộ phận và cá nhân thực hiện các nội dung cụ thể.

Tổ chức các hoạt động theo các kế hoạch đã định, phối hợp các lực lượng giáo dục khác trong việc GDBSVHDT học sinh như:

- Bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ CBQL, GV, NV (kỹ năng sư phạm, năng lực tổ chức...);
- Tạo điều kiện cho các lực lượng phối hợp tham gia thực hiện GD BSVHDT;
- Tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm trong và sau khi triển khai thực hiện.

1.4.3. Chỉ đạo thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc

Trên cơ sở văn bản kế hoạch và công tác tổ chức đã có Hiệu trưởng thực hiện việc hướng dẫn công việc, theo dõi giám sát động viên và uốn nắn kịp thời các hoạt động của mỗi bộ phận và từng cá nhân thực hiện bản kế hoạch đã đề ra, cụ thể cần chỉ đạo:

- Phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận, cá nhân hợp lí, khoa học;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và giúp đỡ các lực lượng khi tham gia GDBSVHDT;
- Chỉ đạo và yêu cầu các bộ phận và cá nhân thực hiện đầy đủ các nội dung GDBSVHDT cho học sinh.

Chỉ đạo việc giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm trong giờ học chính khóa.

Chỉ đạo giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ chính khóa, đây là việc rất quan trọng đối với học sinh, giúp các em hăng hái tham gia hoạt động tập thể hơn, tránh xa những tệ nạn xã hội.

Chỉ đạo tốt sự phối hợp giữa GVCN với cha mẹ học sinh, thực hiện tốt sự kết hợp nhà trường, gia đình, xã hội.

Chỉ đạo các bộ phận sử dụng linh hoạt các phương pháp GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm. Chỉ đạo và yêu cầu các bộ phận và cá nhân vận dụng các hình thức GDBSVHDT và sử dụng triệt để các cơ sở vật chất, các phương tiện nhằm thu được kết quả cao nhất.

Trong việc chỉ đạo các hoạt động GDBSVHDT thì chủ thể quản lý - Hiệu trưởng phải vận dụng linh hoạt các phương pháp quản lý như: Phương pháp tổ chức hành chính; các phương pháp kinh tế; các phương pháp tâm lý - xã hội để tác động vào các lực lượng tham gia GDBSVHDT nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Ngoài ra việc chỉ đạo hoạt động giáo dục GDBSVHDT cũng yêu cầu các bộ phận, cá nhân phải thực hiện đúng các nguyên tắc của GDBSVHDT. Đó là các nguyên tắc: Phải bảo đảm tính mục đích, tính thống nhất trong toàn bộ hoạt động GD; Phải thông qua hoạt động thực tiễn; phải phù hợp với lứa tuổi giới tính và đặc điểm riêng của học sinh; phải phát huy tính tích cực, khắc phục thiếu sót; GD trong tập thể và bằng tập thể; GD gắn với thực tiễn của địa phương; tôn trọng nhân cách và yêu cầu hợp lý đối với học sinh.

1.4.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc

Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động, là quá trình không thể thiếu được trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Đây là khâu cuối cùng trong chu trình quản lý đồng thời mở ra một chu trình quản lý mới. Kiểm tra gắn liền với đánh giá kết quả đạt được của mục tiêu, phân tích được nguyên nhân thành công và hạn chế để rút ra bài học kinh nghiệm. Bên cạnh đó, kiểm tra còn có chức năng khuyến khích, động viên người làm tốt, ngăn chặn những sai sót có thể xảy ra.

Để kiểm tra việc thực hiện các hoạt động giữ gìn BSVH dân tộc hiệu quả, người quản lý cần tiến hành theo các nội dung sau:

Lựa chọn vấn đề, nội dung kiểm tra và hình thức, thời điểm kiểm tra: Nội dung kiểm tra có thể bao gồm từ khâu lập kế hoạch đến việc triển khai kế hoạch và hoạt động cụ thể của các lực lượng giáo dục, học sinh và các điều kiện phục vụ cho hoạt động giáo dục BSVHDT nói riêng và các hoạt động giáo dục nói chung.

Kiểm tra, đánh giá sẽ giúp hiệu trưởng và đội ngũ giáo viên có trách nhiệm giáo dục BSVHDT cho học sinh phát hiện các sai sót, kịp thời điều chỉnh các tác động quản lý để đưa hoạt động giáo dục đến kết quả mong muốn. Đồng thời kiểm tra cũng giúp Hiệu trưởng phát hiện những cách làm hay, các giá trị văn hóa dân tộc tiêu biểu có ảnh hưởng tốt trong cộng đồng để nhân rộng. Đồng thời qua kiểm tra cũng loại bỏ những phong tục tập quán lạc hậu vẫn tồn tại trong cuộc sống của học sinh, của cộng đồng.

1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS

1.5.1. Yếu tố chủ quan

- Năng lực của CBQL:

+ Người Hiệu trưởng có vai trò quan trọng trong công tác quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT DTNT THCS. Nếu người Hiệu trưởng có năng lực quản lý, có trình độ chuyên môn, có nhận thức đúng, đầy đủ về công tác này thì sẽ thực hiện đúng chức năng quản lý. ngược lại nếu chưa nhận thức đúng hoặc coi nhẹ công tác này làm giảm hiệu quả quản lý.

- Năng lực tổ chức GD BSVHDT của đội ngũ giáo viên:

+ Giáo viên là người trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động này như xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện. Vì vậy phụ thuộc rất lớn vào năng lực của từng giáo viên.

- Ý thức, thái độ của học sinh

+ Học sinh xuất phát từ đặc điểm về lứa tuổi học sinh THCS nói chung là giai đoạn phát triển chưa ổn định về thể chất và tâm lý. Tuy nhiên ở giai đoạn này có nhiều nét tâm lý mới được hình thành và phát triển mạnh mẽ ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển nhân cách nói chung của các em. Các em muốn khẳng định vị trí của mình trong gia đình và trong xã hội. Học sinh THCS là lứa tuổi mộng mơ, khát khao sáng tạo, thích cái mới lạ, chuộng cái đẹp hình thức bên ngoài, có mới nới cũ. Lứa tuổi này rất hăng hái nhiệt tình trong công việc, lạc quan yêu đời nhưng cũng rất dễ bị quan, chán nản khi gặp thất bại.

Trước những đặc điểm tâm lý ấy nhà trường cần có những hình thức giáo dục đặc biệt nhằm theo dõi định hướng sự hình thành và phát triển nhân cách của các em đảm bảo các em có nhân cách tích cực, cống hiến cho sự tiến bộ của xã hội, gìn giữ và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

1.5.2. Yếu tố khách quan

+ Cơ sở vật chất, tài chính phục vụ các hoạt động trải nghiệm của nhà trường chưa đáp ứng được yêu cầu: Các trường THCS nói chung và đặc biệt đối với các trường PT DTNT THCS nói riêng thì CSVC để phục vụ cho giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm còn nhiều hạn chế như: khối các phòng học chức năng (phòng Mỹ thuật, Âm nhạc...), phòng đa năng, các trang thiết bị, đồ dùng (nhạc cụ dân tộc...) để phục vụ cho các hoạt động giáo dục đặc thù, hoạt động tập thể hầu như chưa được đầu tư, bên cạnh đó nguồn kinh phí chi thường xuyên được phân bổ rất ít và chủ yếu chi cho các hoạt động chuyên môn chính khóa, công tác xã hội hóa gặp nhiều khó khăn.

+ Thời gian giành cho các hoạt động trải nghiệm trong biên chế năm học còn eo hẹp: Hiện tại khi xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, các trường THCS đã xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động trải nghiệm tuy nhiên, các hoạt động này được phân bổ với thời lượng rất hạn chế, kể cả trong hoạt động chính khóa và ngoài giờ chính khóa (thường các môn chỉ bố trí từ 1 đến 2 tiết, các hoạt động ngoài giờ chính khóa thì từ 1 đến 2 lần).

+ Mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình

Đa phần gia đình của học sinh khi đã gửi con em nội trú vào nhà trường họ có suy nghĩ đơn giản là giao trách nhiệm giáo dục hoàn toàn cho nhà trường. Vì thế nhiều gia đình học sinh hầu như ít liên lạc với nhà trường, không có sự kiểm tra việc học tập, sinh hoạt của con em mình. Chỉ có nhà trường, GVCN chủ động liên lạc với cha mẹ học sinh. Cho nên công tác phối kết hợp trong giáo dục toàn diện của nhà trường gặp khó khăn.

+ Điều kiện kinh tế, phong tục tập quán của địa phương: tác động không nhỏ đến giáo dục BSVHDT vì trong quá trình sống con người tích lũy kinh nghiệm sống, niềm tin, thói quen, chuẩn mực xã hội từ môi trường sống xung quanh.

Tóm lại, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục BSVHDT cho học sinh trường PTDTNT THCS như nội dung học tập, các hoạt động tập thể, Hoạt động trải nghiệm, đội ngũ cán bộ giáo viên, gia đình... Chính vì vậy cần làm tốt công tác giáo dục BSVHDT cho học sinh ở trường PTDTNT THCS là một nhiệm vụ chính thức và bắt buộc. Việc phát triển giáo dục VHDT trong trường PTDTNT THCS, cùng với các nội dung giáo dục đặc thù khác góp phần vào việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Kết luận chương 1

Ở chương 1 chúng tôi đã làm rõ các khái niệm công cụ, cơ sở lí luận về công tác quản lí giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh PT DTNT THCS.

Hoạt động trải nghiệm là một bộ phận hữu cơ của hoạt động giáo dục nói chung, bộ phận hữu cơ của hệ thống hoạt động giáo dục ở trường THCS. Với đặc thù riêng của hoạt động trải nghiệm, với nội dung và quỹ thời gian thực hiện được khẳng định trong chương trình giáo dục nhà trường, hoạt động trải nghiệm đã tạo nên những điều kiện thuận lợi để học sinh rèn luyện tính tích cực hoạt động, rèn luyện phẩm chất, rèn luyện các kĩ năng để phát triển năng lực như: năng lực hoàn thiện, năng lực thích ứng, năng lực giao tiếp, năng lực tổ chức, năng lực hợp tác,.... Các hoạt động trải nghiệm với những hình thức đa dạng, nội dung phong phú, là những hoạt động không thể thiếu, giúp gắn liền nhà trường với đời sống xã hội. Đó là những điều kiện thuận lợi để giáo dục BSVHDT cho học sinh cấp THCS đặc biệt là đối với học sinh ở các trường PT DTNT THCS.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ- HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1. Khái quát về Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS Đại Từ - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên

Trường PTDTNT THCS Đại Từ được thành lập theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trường là đơn vị giáo dục chuyên biệt trong hệ thống giáo dục công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Thái Nguyên. Nhà trường nằm trên địa phận Xóm Bàn Cờ, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đây là ngôi trường đào tạo con em đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại các xóm (thôn, bản) đặc biệt khó khăn của huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Bình, thị xã Phổ Yên và thành phố Sông Công. Sự ra đời của nhà trường có ý nghĩa lớn lao, thể hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục Miền núi, vùng Dân tộc.

Năm học 2012-2013 nhà trường chính thức đi vào hoạt động, năm học đầu tiên của nhà trường với nhiệm vụ được giao là chăm sóc và dạy văn hóa cho 120 em học sinh (02 lớp 6, 02 lớp 7). Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 20 (Trong đó: CBQL: 02; Giáo viên: 10; Nhân viên: 08).

Đến năm học 2016 - 2017 nhà trường có đầy đủ qui mô từ Khối 6 đến Khối 9 với 08 lớp (02 lớp 6, 02 lớp 7, 02 lớp 8, 02 lớp 9), 240 học sinh, 37 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (Trong đó: Cán bộ quản lý: 09; Giáo viên: 14; Nhân viên: 14).

Những năm qua, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đại Từ, Sở GD&ĐT Thái Nguyên cùng với sự nỗ

lực của các cấp ủy chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị và sự ủng hộ tích cực của các tầng lớp nhân dân, nên trường PTDTNT THCS Đại Từ đã đạt được những kết quả tích cực.

Về học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại Học lực Khá, Giỏi của trường hàng năm đều đạt trên 90%, không có học sinh xếp loại học lực Yếu.

- Học sinh tham gia thi học sinh giỏi, các môn năng khiếu các cấp: Đạt kết quả cao.

- Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%.

Về giáo viên:

- Danh hiệu LĐTĐ hàng năm đạt trên 90%.

- Danh hiệu CSTĐ cơ sở đạt trên 15%.

- Tham gia thi GVG các cấp: Đạt kết quả tốt.

04 năm học liên tục từ năm học 2012 - 2013 đến năm học 2015 - 2016 đơn vị đều đạt danh hiệu thi đua Tập thể Lao động Tiên tiến, trong đó 03 năm học liên tục 2013 - 2014 đến năm học 2015 - 2016 đơn vị đạt danh hiệu thi đua Tập thể Lao động Xuất sắc của ngành GD&ĐT tỉnh Thái Nguyên. Năm học 2015 - 2016 nhà trường vinh dự được chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên tặng bằng khen đơn vị đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc 02 năm liên tục. Tháng 3 năm 2017 nhà trường được UBND tỉnh Thái Nguyên công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia về giáo dục.

2.2. Tổ chức khảo sát thực trạng

2.2.1. Mục tiêu khảo sát

Đánh giá về mức độ nhận thức, của CBQL, GV,NV và học sinh PT DTNT THCS Đại Từ về giữ gìn BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm, đánh giá đúng thực trạng công tác GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh cũng như quản lí hoạt động này ở trường PT DTNT THCS Đại Từ.

2.2.2. Quy mô khảo sát

Đề tài khảo sát với 240 học sinh; 09 CBQL; 28 giáo viên, nhân viên đang công tác tại trường PT DTNT THCS Đại Từ

2.2.3. Nội dung khảo sát

- Mức độ nhận thức của học sinh, giáo viên, CBQL về giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm .

- Thực trạng hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT DTNT THCS Đại Từ.

- Mức độ quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT DTNT THCS Đại Từ.

2.2.4. Phương pháp khảo sát

- Điều tra bằng phiếu.

- Trao đổi với BGH; giáo viên; nhân viên nhà trường.

- Phân tích số liệu.

2.3. Thực trạng hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ

2.3.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục BSVHDT cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ

*** Đối với CBQL, GV và NV**

Để tìm hiểu về vấn đề này chúng tôi đã thăm dò ý kiến của CBQL, GV và nhân viên qua phiếu khảo sát đối với 37 người “Đồng chí hãy cho biết ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giáo dục BSVHDT cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ” kết quả thu được như sau:

Bảng 2.1. Nhận thức của CBQL, GV và NV về tầm quan trọng của giáo dục BSVHDT cho HS

STT	Các mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Rất quan trọng	9	24,3
2	Quan trọng	23	62,2
3	Không quan trọng	5	13,5
	Cộng	37	100,0

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy có 86,5 % cán bộ giáo viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục BSVHDT cho học sinh góp phần giữ gìn BSVHDT của địa phương của đất nước. Còn có đến 13,5% cán bộ, GV, NV cho rằng nó không quan trọng. Điều này cho thấy nhận thức về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giáo dục BSVHDT cho HS ở nhà trường chưa đồng đều một số cán bộ, giáo viên, nhân viên còn coi nhẹ công tác này. Chỉ quan tâm chú ý đến dạy chữ, chưa quan tâm đến dạy người cho học sinh.

*** Đối với HS**

Bảng 2.2. Nhận thức của HS về tầm quan trọng của công tác giáo dục BSVHDT trong trường PT DTNT THCS Đại Từ

STT	Các mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Rất cần thiết	48	20
2	Cần thiết	139	57,9
3	Không cần thiết	35	22,1
	Tổng	240	100,0

Qua kết quả khảo sát có thể thấy đa số học sinh ý thức được mục đích, ý nghĩa tầm quan trọng của hoạt động giáo dục BSVHDT cho HS chiếm tỉ lệ 77,9%. Nhưng vẫn còn có tới 22,1% HS cho rằng vấn đề giáo dục BSVHDT cho HS là không cần thiết. Như vậy có thể thấy được công tác giáo dục BSVHDT ở nhà trường chưa được quan tâm thường xuyên và đồng đều. Điều

đó chứng tỏ công tác tuyên truyền về vấn đề này còn hạn chế nên nhận thức của CBQL, GV, NV và HS còn chưa cao.

2.3.2. Thực trạng nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS Đại Từ

Qua khảo sát 09 CBQL và 28 GV, NV thu được kết quả ở bảng tổng hợp sau:

Bảng 2.3. Đánh giá của CBQL, GV, NV về mức độ thực hiện các nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT DTNT THCS Đại Từ

Số TT	Nội dung giáo dục BSVHDT	Ý kiến đánh giá					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Trang phục truyền thống (làm từ vải chàm, phụ nữ vấn khăn, mặc áo năm thân, cài sang bên phải, thắt lưng, mặc quần hay váy, nam giới là chiếc áo dài quá đầu gối...)	19	51,4	14	37,8	4	10,8
2	Văn học, âm nhạc (đồng dao, dân ca hát sli, hát Then, dụng cụ âm nhạc: Đàn Tính...)	9	24,32	15	40,54	13	35,14
3	Ngôn ngữ dân tộc	12	32,43	17	45,95	8	21,62
4	Các phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thể hiện trong lối sống hàng ngày (ăn, ở)	6	16,22	13	35,14	18	48,65
5	Nghề truyền thống (gắn với các kỹ thuật làm ruộng; làm rẫy; làm vườn; chăn nuôi gia súc, dệt vải, thêu...)	8	21,62	13	35,14	16	43,24
6	Các trò chơi dân gian (Kéo co, ném còn, đẩy gậy...)	19	51,35	14	37,84	4	10,81
7	Các Lễ hội truyền thống (Tết Nguyên đán; Tết mừng 3 tháng 3 (tiết Thanh minh); Tết 14 tháng 7 là tết to thứ hai trong năm; Tết mừng 5 tháng 5 (Đoan ngọ); Tết cơm mới (mùng 10 tháng 10, lễ hội Lòng Tổng)	18	48,65	12	32,43	7	18,92
8	Các phẩm chất đạo đức truyền thống của dân tộc (Tinh thần yêu nước, yêu con người, giản dị, cần cù ...)	20	54,05	17	15,95	0	0
9	Các giá trị văn hóa vật thể: Đền chùa, miếu, di tích văn hóa - lịch sử.	10	27,03	20	54,05	7	18,92

Qua bảng kết quả khảo sát trên có thể thấy mức độ thực hiện các nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường PT DTNT THCS Đại Từ đã được thực hiện nhưng mức độ không đồng đều nhau. Các nội dung được thực hiện khá tốt là: Các phẩm chất đạo đức truyền thống của dân tộc, Các trò chơi dân gian, Trang phục truyền thống, đều đạt tỉ lệ trên 50% đánh giá thực hiện tốt; tiếp đến nội dung: Các lễ hội truyền thống được đánh giá thực hiện tốt với tỉ lệ 48,65%; Ngôn ngữ dân tộc đạt tỉ lệ 32,43%; Văn học, âm nhạc, nghề truyền thống, các giá trị văn hóa vật thể: Đền chùa, miếu, di tích văn hóa - lịch sử, đạt tỉ lệ trên 20% thực hiện tốt; các nội dung khác được đánh giá thực hiện tốt đạt tỉ lệ dưới 20%. Còn các nội dung thực hiện chưa tốt: Các phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thể hiện trong lối sống hàng ngày (ăn, ở); Nghề truyền thống, có tới trên 40%; Nội dung: Văn học, âm nhạc có tỉ lệ 35,14% ý kiến là thực hiện chưa tốt. Sở dĩ các nội dung trên được thực hiện ở các mức độ khác nhau là vì: thứ nhất do năng lực của đội ngũ GV làm công tác này còn nhiều hạn chế, họ thiếu các kỹ năng tổ chức các hoạt động, không được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về các nội dung trên. Thứ hai trong khuôn khổ các hoạt động trải nghiệm còn ưu tiên giáo dục các nội dung giáo dục khác nên phần nào hạn chế đưa các nội dung giáo dục BSVHDT vào.

2.3.3. Thực trạng các phương pháp giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS Đại Từ

Để đánh giá thực trạng các phương pháp giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS chúng tôi tiến hành khảo sát đối với CBQL, GV và thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.4. Thực trạng mức độ sử dụng các phương pháp GDBSVHDT
thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS**

TT	Phương pháp	Mức độ sử dụng		
		Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Chưa sử dụng (%)
1	Thảo luận nhóm	60.9	34.8	4.3
2	Sắm vai	65.2	34.8	
3	Giải quyết vấn đề	30.4	69.6	
4	Xử lý tình huống	73.9	17.4	8.7
5	Giao nhiệm vụ	52.2	47.8	
6	Trò chơi	82.6	17.4	

Qua khảo sát 23 CBQL-GV thì phương pháp thảo luận nhóm để GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS có 60.9% thường xuyên tổ chức. Phương pháp sắm vai có 65.2% thường xuyên tổ chức. Các phương pháp nêu đã được nhà trường quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Song mức độ thực hiện chưa phải là thường xuyên, cá biệt việc sử dụng phương pháp thảo luận nhóm có tới 4.3% giáo viên chưa thực hiện và có 8.7% chưa sử dụng phương pháp xử lý tình huống trong công tác GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Tóm lại chưa có phương pháp nào được đánh giá là nhà trường sử dụng thường xuyên. Đây cũng là một yếu tố cho người quản lý cần chú ý điều chỉnh trong kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ hoạt động GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS.

2.3.4. Thực trạng các hình thức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PT DTNT THCS Đại Từ

Để đánh giá thực trạng các hình thức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS chúng tôi tiến hành khảo sát đối với CBQL, GV và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.5. Đánh giá của cán bộ, giáo viên về mức độ thực hiện các hình thức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

STT	Hình thức tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	Các hoạt động giáo dục trong giờ học chính khóa.	18	78,26	5	21,74	0	0
2	Tổ chức các câu lạc bộ: Văn hóa nghệ thuật, thể thao....	2	8,70	10	43,48	11	47,83
3	Tổ chức các trò chơi dân gian	10	43,48	13	56,52	0	0
4	Tổ chức diễn đàn trao đổi về lối sống văn hóa của học sinh, vai trò của HS đối với vấn đề giữ gìn và phát huy các giá trị BSVHDT	0	0	10	43,48	13	56,52
5	Sân khấu tương tác	0	0	11	47,83	12	52,17
6	Tham quan, dã ngoại đến các vùng dân tộc	17	73,91	6	26,09	0	0
7	Hội thi/cuộc thi tìm hiểu, thể hiện văn hóa các dân tộc	5	21,74	15	65,22	3	13,04

Nhận xét bảng 2.5: Theo đánh giá của GV, CBQL, các hoạt động được tổ chức thường xuyên gồm: Các hoạt động giáo dục trong giờ học chính khóa (tỷ lệ 78,26%); Tham quan, dã ngoại đến các vùng dân tộc (tỷ lệ 73,91%); Tổ chức các trò chơi dân gian (tỷ lệ 43,48%); Ở mức độ thỉnh thoảng tổ chức, các hoạt động được đánh giá có tỷ lệ cao là: Hội thi/cuộc thi tìm hiểu, thể hiện văn hóa các dân tộc (65,22%); Tổ chức các trò chơi dân gian (56,52%); Sân khấu tương tác; Tổ chức diễn đàn trao đổi về lối sống văn hóa của học sinh, vai trò của HS đối với vấn đề giữ gìn và phát huy các giá trị BSVHDT (trên 40%); Qua kết quả khảo sát trên, chúng tôi nhận thấy những hoạt động trải nghiệm có tính chất bề nổi được thực hiện ở mức độ thường xuyên; hoạt động đi vào chiều sâu, yêu cầu cao hơn ở sự chuẩn bị về nội dung và hình thức thể hiện, ít được thực hiện thường xuyên thậm chí chưa bao giờ thực hiện.

2.4. Thực trạng quản lý hoạt động Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PTDT Nội trú THCS Đại Từ

2.4.1. Thực trạng lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ

Để đánh giá thực trạng việc quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm của Ban giám hiệu nhà trường, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 9 cán bộ quản lý gồm: Phó hiệu trưởng, tổ trưởng - tổ phó chuyên môn, công đoàn, đoàn thanh niên, thu được kết quả như sau:

Bảng 2.6. Đánh giá của CBQL, GV về xây dựng kế hoạch giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm của BGH nhà trường

Yếu tố	Kết quả					
	Tốt		Chưa tốt		Không thực hiện	
	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
Xây dựng kế hoạch cụ thể về hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm	0	0	7	77.8	2	22.2
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng công tác GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho CB-GV	0	0	5	55.6	4	44.4
Xây dựng kế hoạch quản lý nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm	0	0	5	55.6	4	44.4
Xây dựng kế hoạch quản lý: giờ sinh hoạt lớp, sinh hoạt đầu tuần, HĐ NGCK, các hoạt động tập thể	0	0	7	77.8	2	22.2
Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường	0	0	6	66.7	3	33.3
Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm	0	0	7	77.8	2	22.2

Kết quả điều tra ở bảng 2.6 cho thấy, việc quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm của BGH nhà trường chưa tốt, chưa xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết để quản lý hoạt động này. Hầu hết các nội dung điều tra khảo sát đối với CBQL đánh giá ở mức độ chưa tốt và không thực hiện. Cụ thể có 77.8% ý kiến cho rằng việc xây dựng kế hoạch cụ thể về giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm chưa tốt; 55.6% cho rằng việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng công tác giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho CB-GV chưa tốt. Có 55.6% ý kiến cho rằng việc xây dựng kế hoạch quản lý nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm không thực hiện...Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến hiệu quả của giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm trong nhà trường trong những năm vừa qua chưa cao.

2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ

Để tìm hiểu thực trạng về việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục BSVHDT của nhà trường, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 37 người là CBQL, GV, NV và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.7. Đánh giá của CB, GV việc tổ chức GDBSVHDT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm

TT	Nội dung	Các mức độ					
		Hiệu quả		Ít hiệu quả		Chưa hiệu quả	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ GV (kỹ năng sư phạm, năng lực tổ chức, nội dung, hình thức....)	18	48.6	12	32.4	7	18.9
2	Tạo điều kiện cho các lực lượng phối hợp tham gia thực hiện kế hoạch GDBSVHDT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm	23	62.2	12	32.4	2	5.4
3	Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong và sau khi triển khai thực hiện kế hoạch	19	51.4	14	37.8	4	10.8

Kết quả bảng 2.7 cho thấy việc tổ chức các giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS chưa hiệu quả. Qua đánh giá mức độ được đánh giá là hiệu quả thì cao nhất là nội dung “Tạo điều kiện cho các lực lượng phối hợp tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS” với 62.2 % ý kiến. Tiếp đến là nội dung “ Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong và sau khi triển khai thực hiện kế hoạch” với 51.4% ý kiến đánh giá là hiệu quả. Thấp nhất là nội dung “ Bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ GV,NV (kỹ năng sư phạm, năng lực tổ chức, các chuyên đề nội dung ...)” với 48.6% ý kiến là hiệu quả.

Thực tế cho thấy trong những năm vừa qua công tác bồi dưỡng GV,NV luôn được các cấp quan tâm. Các nội dung thường được bồi dưỡng trong dịp hè, hay trong năm học thường tập trung là: Bồi dưỡng về tư tưởng chính trị, đường lối, quan điểm phát triển giáo dục của Đảng, Nhà nước, đạo đức lối sống; Bồi dưỡng kiến thức pháp luật; Bồi dưỡng kiến thức về quản lý; Bồi dưỡng về chuyên môn - nghiệp vụ sư phạm....song nội dung bồi dưỡng chuyên sâu về giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS đối với đội ngũ CBQL-GV-NV chưa được quan tâm chính vì vậy có tới 18.9% ý kiến cho rằng nội dung “Bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ GV, NV (kỹ năng sư phạm, năng lực tổ chức, các chuyên đề nội dung ...)” “ chưa hiệu quả và 32.4% ý kiến đánh giá ở mức độ ít hiệu quả. Bên cạnh đó việc tổ chức “Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong khi triển khai thực hiện kế hoạch” cũng chưa được quan tâm nhiều, có 10.8% ý kiến đánh giá là công việc này làm chưa hiệu quả. Vì vậy, nếu không tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm để điều chỉnh kế hoạch, phương pháp tổ chức thì mọi hoạt động cũng sẽ không đạt hiệu quả cao.

2.4.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ

Để tìm hiểu thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục BSVHDT của nhà trường, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 37 người là CBQL, GV, NV và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.8. Thực trạng chỉ đạo triển khai thực hiện GDBSVHDT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm

TT	Nội dung	Các mức độ					
		Hiệu quả		Ít hiệu quả		Chưa hiệu quả	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1	Phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận, cá nhân hợp lý, khoa học	23	62.2	14	37.8	0	0
2	Thường xuyên kiểm tra, giám sát và giúp đỡ các đoàn thể khi thực hiện nhiệm vụ được phân công	21	56.8	13	35.1	3	8.1
3	Có quy định khen thưởng và hình thức kỉ luật trong thực hiện kế hoạch	19	51.4	14	37.8	4	10.8

Kết quả bảng 2.8 cho thấy việc chỉ đạo giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS chưa hiệu quả. Qua đánh giá mức độ được đánh

giá là hiệu quả cao nhất là nội dung “Phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận, cá nhân hợp lý, khoa học” và “Tạo điều kiện cho các lực lượng phối hợp tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS” với 62.2 % ý kiến. Tiếp đến là nội dung “ Thường xuyên kiểm tra, giám sát và giúp đỡ các đoàn thể, giáo viên khi thực hiện nhiệm vụ được phân công” với 56.8% ý kiến đánh giá là hiệu quả. Thấp nhất là nội dung “ Có quy định khen thưởng và hình thức kỉ luật trong thực hiện kế hoạch” với 51,4% ý kiến là hiệu quả.

Với nội dung “Có quy định khen thưởng và hình thức kỉ luật trong thực hiện kế hoạch” có tới 10.8% ý kiến đánh giá là làm chưa hiệu quả. Thực tế công tác thi đua khen thưởng đối với GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trong nhà trường nhiều năm qua làm chưa tốt. Chưa đánh giá cụ thể các hoạt động vì chưa xây dựng được các tiêu chí thi đua rõ ràng. Nguồn kinh phí dành riêng cho GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS không có. Phần lớn nhà trường thường lồng ghép vào các hoạt động khác như: tổ chức nhân dịp các đợt thi đua theo chủ đề của năm học, hoặc tổ chức vào ngày Lễ, Tết dân tộc của học sinh....

2.4.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT Dân tộc nội trú THCS Đại Từ

Để đánh giá thực trạng công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục BSVHDT của BLĐ nhà trường, chúng tôi đã đưa ra nội dung của công tác kiểm tra đánh giá, đề 09 CBQL nhà trường tự đánh giá kết quả thực hiện theo các mức độ, kết quả thu được ở bảng 2.8.

Bảng 2.9. Đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDBSVHDT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm của ban giám hiệu nhà trường

TT	Nội dung	Đánh giá kết quả thực hiện							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Xây dựng các tiêu chí kiểm tra đánh, đánh giá	0	0	2	22.2	2	22.2	5	55.6
2	Kiểm tra việc xây dựng kế hoạch	0	0	3	33.33	4	44.44	2	22.22
3	Thường xuyên kiểm tra hoặc kiểm tra đột xuất việc thực hiện kế hoạch GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm của các lực lượng trong nhà trường	0	0	2	22.22	4	44.44	3	33.33
4	Kiểm tra, đánh giá kết quả GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm, qua kết quả rèn luyện Hạnh kiểm của học sinh	0	0	2	22.22	6	66.67	1	11.11
5	Kiểm tra việc sử dụng CSVC, kinh phí phục vụ cho GBVHT thông qua các hoạt động trải nghiệm	0	0	2	22.2	5	55.6	2	22.2

Kết quả điều tra ở bảng 2.9 cho thấy việc xây dựng các tiêu chí kiểm tra đánh giá GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm trong nhà trường còn chưa được quan tâm, nội dung chưa cụ thể, rõ ràng. Trong nhà trường hoạt động của học sinh được kiểm tra, đánh giá, xếp loại theo ngày, theo tuần chủ

yếu thông qua các tiêu chí đánh giá do Đội TN TPHCM nhà trường, Ban quản lý nội trú xây dựng, triển khai. Công tác kiểm tra đánh giá của BGH nhà trường do đội ngũ CBQL nhà trường đánh giá ở mức độ thấp, việc xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá nội dung GDBSVHD thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS cũng chưa được quan tâm với 55.6 % ý kiến đánh giá mức độ yếu. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc các tổ chức đoàn thể, GV, NV nhà trường chưa chú trọng nhiều đến tổ chức GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm, hoặc có tổ chức thì nội dung cũng theo mô típ quen thuộc, thường lặp đi lặp lại của các năm nên không phát huy được tính tích cực, sự chủ động tham gia của HS. Cho nên hiệu quả trong GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm đối với HS chưa được như mong muốn.

Bên cạnh đó, khi tổ chức phỏng vấn đội ngũ CBQL về công tác kiểm tra đánh giá, nhận được kết quả như sau:

Như vậy BGH nhà trường còn hạn chế trong công tác quản lý, chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn thực hiện tích hợp giáo dục BSVHDT vào trong các môn học, chỉ đạo các lực lượng trong nhà trường thực hiện tích hợp giáo dục BSVHDT vào các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa chưa tốt, chưa có kế hoạch cụ thể, chưa tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, cách thức tổ chức cho GV, NV. Ngoài ra chưa có tiêu chí kiểm tra đánh giá việc thực hiện của GV, NV cũng như các tổ chức đoàn thể trong khi thực hiện nhiệm vụ. Về cơ bản nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm thực hiện chưa hiệu quả.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ

Để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS chúng tôi tiến hành khảo sát 37 CBQL, GV, NV nhà trường, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.10. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS

TT	Các yếu tố	Mức độ của sự ảnh hưởng					
		Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng ít		Không ảnh hưởng	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1	Năng lực của CBQL	16	43.2	19	51.4	2	5.4
2	Năng lực tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm của đội ngũ giáo viên	19	51.4	18	48.6	0	0
3	Ý thức, thái độ của học sinh	23	62.2	14	37.8	0	0
4	Cơ sở vật chất, tài chính phục vụ GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm	24	64.9	13	35.1	0	0
5	Thời gian giành cho GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm	19	51.4	15	40.5	3	5.1
6	Mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình	13	35.1	22	59.5	2	5.4
7	Điều kiện kinh tế, phong tục tập quán của địa phương	20	54.1	15	40.5	2	5.4

Kết quả bảng 2.10 cho thấy tất cả các yếu tố nêu trên (yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan) đều ảnh hưởng đến giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS. Qua đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố được đánh giá là ảnh hưởng nhiều cao nhất là các yếu tố “Cơ sở vật chất, tài chính phục vụ GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm ” và “Ý thức, thái độ của học sinh” với tỷ lệ trên 60 % ý kiến. Tiếp đến là các yếu tố “ Năng lực tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm của đội ngũ giáo viên”; “Thời gian giành cho GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm”; “ Điều kiện kinh tế,

phong tục tập quán của địa phương” với trên 50% ý kiến đánh giá là ảnh hưởng nhiều. Yếu tố “Năng lực của CBQL” có 43,2% ý kiến đánh giá là ảnh hưởng nhiều. Các yếu tố còn lại đều có tỷ lệ trên 30% đánh giá ảnh hưởng nhiều.

2.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ

2.6.1. Đánh giá kết quả đạt được và nguyên nhân

Quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS ở trường PTDTNT THCS Đại Từ đã được nhà trường quan tâm. Qua khảo sát công tác quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS đã có những thành công bước đầu: đã làm chuyển biến được nhận thức của đội ngũ CBGV, NV, và HS về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc giữ gìn và phát huy BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS. Ngoài ra còn giúp HS hiểu được ý nghĩa, vai trò của việc giữ gìn BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm có tác dụng trong việc thúc đẩy quá trình học tập rèn luyện của bản thân, sự tự tin hòa nhập vào thời kỳ hiện đại hóa. Có được các ưu điểm trên là do:

Nhà trường thường xuyên tổ chức học tập và quán triệt các quan điểm của Đảng, Nhà nước, mục tiêu giáo dục phổ thông, định hướng phát triển giáo dục và phát triển con người, mục tiêu giáo dục của trường PTDTNT đến tất cả CB-GV-NV và HS toàn trường. Từ đó quan tâm đến những biện pháp tích cực, hiệu quả trong quản lý giáo dục nói chung và quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh nói riêng.

Tập thể sư phạm đã xác định “ giáo dục cho HS của trường PTDTNT THCS Đại Từ biết giữ gìn và phát huy bản sắc VHDT thông qua hoạt động trải nghiệm ” là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường để góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đào tạo các thế hệ học sinh có đức, có tài, có tâm.

Quan tâm, tổ chức, xây dựng các nội dung công tác giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS. Đồng thời nâng cao trách nhiệm, đổi

mới cách quản lý trong đội ngũ CBQL, có biện pháp chỉ đạo phù hợp để giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS đạt hiệu quả cao.

2.6.2. Đánh giá hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những thành công thì quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh cũng có những hạn chế nhất định.

Đa số CB-GV-NV và HS đều có nhận thức đúng về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Bên cạnh đó vẫn có số ít cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa quan tâm sâu sát đến việc quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm của học sinh trong nhà trường. Có nhiều em việc nhận thức cơ bản là đúng nhưng trong hành động nhiều khi lại bộc lộ những hạn chế nhất định.

Đội ngũ CBQL nhà trường chưa thường xuyên tăng cường kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh để từ đó có những biện pháp điều chỉnh phù hợp đối với đội ngũ CBGV, NV và học sinh.

Đội ngũ giáo viên thông thạo tiếng dân tộc, hiểu về phong tục tập quán của các em học sinh dân tộc đang theo học tại nhà trường còn hạn chế. Chưa có biện pháp tích cực trong giao lưu với học sinh để các em dần bộc lộ, chia sẻ những suy nghĩ, những phong tục tập quán của dân tộc các em.

Những hạn chế trên là do:

Đối với CBQL nhà trường: những năm học đầu tiên khi mới đi vào hoạt động chưa chú trọng đến việc xây dựng kế hoạch để triển khai công tác quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh, có năm học đã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo hoạt động quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh nhưng kế hoạch chưa cụ thể, các biện pháp đưa ra quản lý chưa hiệu quả, không tác động tích cực đến đội ngũ và học sinh vì vậy hiệu quả không cao. Chưa xây dựng được chuẩn đánh giá đối với các nội dung quản lý giáo dục bản sắc văn

hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Chưa tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên.

Đối với đội ngũ GV,NV: đã có nhận thức đúng nhưng cách thức tổ chức hoạt động còn đơn lẻ, tự phát. Giáo viên còn lúng túng trong việc xây dựng, thực hiện các nội dung quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Đối với học sinh: Nhiều em còn tự ti khi mình là người dân tộc. Không muốn cho người khác biết mình là người dân tộc. Dễ bị chi phối, tác động của mặt trái môi trường sống có ảnh hưởng không tốt đến việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nhiều lúc trong cuộc sống thường khép mình, ít giao lưu với các bạn là người dân tộc khác. Bên cạnh đó có một số ít em có biểu hiện chuộng lối sống phương Tây, có tư tưởng “sùng ngoại”, tiếp thu không chọn lọc những giá trị văn hoá từ nước ngoài làm ảnh hưởng mai một các giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc văn hoá của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Kết luận chương 2

Từ phân tích và đánh giá thực tiễn đã cho thấy giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ đang được đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên quan tâm. Chú ý đến việc tác động nhận thức đối với đội ngũ CBGV và các em học sinh về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm . Đội ngũ CBGV,NV có trách nhiệm, có ý thức và quan điểm đồng nhất để thực hiện theo mục tiêu đề ra. Hiệu quả bước đầu trong giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh có sự chuyển biến rõ nét. Đó cũng chính là thành công cơ bản ban đầu của trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ.

Song một bộ phận học sinh vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định: Học sinh có nhận thức đúng về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm , nhưng trong hành động nhiều khi lại bộc lộ những hạn chế nhất định.

Các biện pháp đưa ra quản lý chưa hiệu quả, không tác động tích cực đến đội ngũ và học sinh vì vậy hiệu quả không cao. Chưa xây dựng được chuẩn đánh giá đối với các nội dung quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Chưa tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên.

Nguyên nhân chủ yếu là lãnh đạo nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể, thiếu các biện pháp quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh mang tính khả thi, chưa thường xuyên kiểm tra, đánh giá, giám sát các hoạt động.

Từ việc nắm vững thực trạng, hiểu rõ nguyên nhân có ý nghĩa quan trọng cho việc đề xuất, bổ sung, cải tiến những biện pháp quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ trong thời gian tới.

Chương 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ, HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

Từ mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi xây dựng hệ thống các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ trên một số nguyên tắc như sau:

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ và hệ thống

Quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh cần phải được xây dựng đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS. Để cho hoạt động GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm mang lại hiệu quả thiết thực thì CBQL và GV cần phải thực hiện nguyên tắc tiếp cận hệ thống. Đó chính là trong quá trình tổ chức GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS cần xác định cụ thể mục tiêu, vai trò, nhiệm vụ của nội dung hoạt động. Tất cả đều hướng tới mục đích để cho HS được phát triển toàn diện, giữ được bản sắc văn hóa dân tộc. Muốn đạt được điều đó thì người quản lý cần sử dụng các biện pháp quản lý một cách linh hoạt. Biện pháp quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh là một hệ thống đa dạng, phong phú, không có biện pháp nào là tối ưu hoàn toàn, mỗi biện pháp đều có những điểm mạnh và hạn chế nhất định. Vì vậy, để công tác quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS có hiệu quả thì người quản lý cần phải thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý. Trong đó, điều quan trọng là cần xác định được vai trò, tầm quan trọng của từng biện pháp trong mối quan hệ với các biện pháp khác, đồng thời cần lựa chọn ưu tiên từng biện pháp cho phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cho hợp lý để công việc đạt hiệu quả cao.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

Các biện pháp quản lý được đề xuất phải kế thừa được thành quả của lớp người đi trước, kế thừa những biện pháp quản lý GDBSVH DT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS mà cán bộ quản lý trường PTDTNT THCS Đại Từ đã sử dụng. Bên cạnh đó, dưới ánh sáng của khoa học quản lý giáo dục, các biện pháp đó phải được phát triển ở một tầm cao mới, phù hợp với thực tế hơn, có hiệu quả hơn, giúp quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS ở trường PTDTNT phát huy được tác dụng trong môi trường sinh hoạt nội trú nói riêng và khi các em trở về địa bàn dân cư nói chung. Mặt khác các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS cũng phải kế thừa được kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành quản lý giáo dục trước đó, tiếp tục vận dụng những biện pháp quản lý hiệu quả mà những người đi trước đã nghiên cứu, đề xuất và thành công, đồng thời phát triển các biện pháp đó cho phù hợp với thực tiễn ở trường PTDTNT THCS Đại Từ.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi

Lý luận chỉ có giá trị đích thực khi và chỉ khi nó được kiểm nghiệm trong thực tiễn áp dụng. Do đó, các biện pháp khi đưa ra phải được dựa trên những phân tích chính xác, khoa học về tình hình thực tiễn. Với thực tiễn đòi hỏi các biện pháp quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS phải dựa trên những điều kiện thực tế của nhà trường như: tình hình đội ngũ, đặc điểm học sinh, cơ sở vật chất... Khả thi chính là khả năng áp dụng được trong thực tiễn. Vì vậy, nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi chính là các biện pháp đề ra phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, có khả năng trở thành hiện thực và đưa công tác quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh của nhà trường đạt được hiệu quả cao.

Xuất phát từ những nguyên tắc trên, chúng tôi lựa chọn đề xuất một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đại Từ.

3.2. Các biện pháp quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ

3.2.1. Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm

a. Mục tiêu biện pháp

Nhận thức có vai trò quyết định trong định hướng hành động. Vì vậy nâng cao nhận thức cho CBQL và toàn thể GV, HS là hết sức cần thiết, bởi nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS góp phần thực hiện giáo dục nhân cách toàn diện cho HS. Từ đó có ý thức được trách nhiệm của mình, tạo sự đồng thuận và nhiệt tình và ủng hộ tham gia tổ chức hoạt động này.

b. Nội dung và cách thực hiện biện pháp

- Cung cấp những lý luận về BSVHDT Việt Nam cũng như bản sắc văn hóa dân tộc của địa phương.

- Tuyên truyền để CBQL, GV nhận thức được vị trí và vai trò của hoạt động trải nghiệm trong việc giáo dục BSVHDT, cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm .

- Cung cấp tài liệu, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ về giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho các lực lượng tham gia.

c. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Cần đưa nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm vào chương trình giảng dạy bắt buộc trong các trường sư phạm.

- Đưa nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm vào các tiết cụ thể trong kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Ban giám hiệu các trường phổ thông nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường nhất là đối với các trường PT DTNT THCS, nơi có nhiều HS thuộc các dân tộc khác nhau trên địa bàn.

- Sở GD&ĐT Thái Nguyên có sự quan tâm đúng mức và chỉ đạo sát sao và có hướng dẫn cụ thể tới các trường trong hoạt động trải nghiệm để qua đó giáo dục BSVHDT cho HS.

- Chủ động tuyên truyền sâu rộng và liên tục qua các cuộc họp hội đồng sư phạm, họp cha mẹ HS, về giáo dục BSVHDT cho HS.

- Tổ chức tốt các cuộc hội thảo, viết sáng kiến trong đội ngũ giáo viên xung quanh chủ đề “giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh”

3.2.2. Xây dựng quy trình tổ chức hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

a. Mục tiêu của biện pháp

Xây dựng quy trình tổ chức hoạt động GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh phải đảm bảo khoa học, cụ thể, đáp ứng được mục đích, yêu cầu, nội dung và các điều kiện hỗ trợ thực hiện. Với mục đích giáo dục học sinh nhận biết: các biểu hiện bản sắc văn hoá của dân tộc mà các em được sinh ra và của một số dân tộc thiểu số khác ở Thái Nguyên, các sinh hoạt văn hoá cần giữ gìn, phát huy và những sinh hoạt văn hoá cần thay đổi phù hợp sự phát triển của xã hội.

b. Nội dung và cách thức thực hiện

Việc xây dựng quy trình tổ chức hoạt động GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh cần căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT như: Quyết định số 49/QĐ ngày 25/8/2008 về tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT, trong đó đã quy định rõ nhiệm vụ cụ thể với từng đối tượng, từng nhiệm vụ cụ thể trong giáo dục văn hóa dân tộc. Đây là việc quan trọng, quyết định tới một phần sự thành công của hoạt động. Việc Xây dựng quy trình tổ chức hoạt động GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh cụ thể được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Xác định nhu cầu tổ chức GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Công việc này bao gồm một số việc:

Căn cứ nhiệm vụ, mục tiêu và chương trình giáo dục BSVHDT, nhà giáo dục cần tiến hành khảo sát nhu cầu, điều kiện tiên hành.

Xác định rõ đối tượng thực hiện. Việc hiểu rõ đặc điểm học sinh tham gia vừa giúp nhà giáo dục thiết kế hoạt động phù hợp đặc điểm lứa tuổi, vừa giúp có các biện pháp phòng ngừa những đáng tiếc có thể xảy ra cho học sinh.

Bước 2: Đặt tên cho hoạt động

Đặt tên cho hoạt động là một việc làm cần thiết vì tên của hoạt động tự nó đã nói lên được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động. Tên hoạt động cũng tạo ra được sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lí đầy hứng khởi và tích cực của học sinh. Vì vậy, cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên hoạt động sao cho phù hợp và hấp dẫn.

Việc đặt tên cho hoạt động cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Rõ ràng, chính xác, ngắn gọn,
- Phản ánh được chủ đề và nội dung của hoạt động.
- Tạo được ấn tượng ban đầu cho học sinh.

Bước 3: Xác định mục tiêu của hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS

Mỗi hoạt động đều thực hiện mục đích chung của mỗi chủ đề theo từng tháng nhưng cũng có những mục tiêu cụ thể của hoạt động đó.

Mục tiêu của hoạt động là dự kiến trước kết quả của hoạt động.

Các mục tiêu hoạt động cần phải được xác định rõ ràng, cụ thể và phù hợp; phản ánh được các mức độ cao thấp của yêu cầu cần đạt về tri thức, kĩ năng, thái độ và định hướng giá trị.

Nếu xác định đúng mục tiêu sẽ có các tác dụng là:

- Định hướng cho hoạt động, là cơ sở để chọn lựa nội dung và điều chỉnh hoạt động.

- Căn cứ để đánh giá kết quả hoạt động
- Kích thích tính tích cực hoạt động của thầy và trò

Tùy theo chủ đề GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS ở mỗi tháng, đặc điểm HS và hoàn cảnh riêng của mỗi lớp mà hệ thống mục tiêu sẽ được cụ thể hóa và mang màu sắc riêng.

Khi xác định mục tiêu cần phải trả lời các câu hỏi sau:

- Hoạt động này có thể hình thành cho học sinh những kiến thức ở mức độ nào? (Khối lượng và chất lượng đạt được của kiến thức?)
- Những kỹ năng nào có thể được hình thành ở học sinh và các mức độ của nó đạt được sau khi tham gia hoạt động?
- Những thái độ, giá trị nào có thể được hình thành hay thay đổi ở học sinh sau hoạt động?

Bước 4: Xác định nội dung và phương pháp, phương tiện, hình thức của hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS

Mục tiêu có thể đạt được hay không phụ thuộc vào việc xác định đầy đủ và hợp lý những nội dung và hình thức của hoạt động.

Trước hết, cần căn cứ vào từng chủ đề, các mục tiêu đã xác định, các điều kiện hoàn cảnh cụ thể của lớp, của nhà trường và khả năng của học sinh để xác định các nội dung phù hợp cho các hoạt động. Cần liệt kê đầy đủ các nội dung hoạt động phải thực hiện.

Từ nội dung, xác định cụ thể phương pháp tiến hành, xác định những phương tiện cần có để tiến hành hoạt động. Từ đó lựa chọn hình thức hoạt động tương ứng. Có thể một hoạt động nhưng có nhiều hình thức khác nhau được thực hiện đan xen hoặc trong đó có một hình thức nào đó là chủ đạo, còn hình thức khác là phụ trợ.

Ví dụ: Trong "*Diễn đàn tuổi trẻ với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc*", nên chọn hình thức báo cáo, trình bày, thuyết trình về vấn đề gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc làm chính, kết hợp với thi đàn, hát dân

ca, trò chơi dân gian hoặc gặp gỡ, giao lưu với các nghệ nhân, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu... để tăng tính đa dạng, tính hấp dẫn cho diễn đàn.

Bước 5: Lập kế hoạch GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS

Nếu chỉ tuyên bố về các mục tiêu đã lựa chọn thì nó vẫn chỉ là những ước muốn và hy vọng, mặc dù có tính toán, nghiên cứu kỹ lưỡng. Muốn biến các mục tiêu thành hiện thực thì phải lập kế hoạch.

- Lập kế hoạch để thực hiện hệ thống mục tiêu tức là tìm các nguồn lực (nhân lực - vật lực - tài liệu) và thời gian, không gian... cần cho việc hoàn thành các mục tiêu.

- Chi phí về tất cả các mặt phải được xác định. Hơn nữa phải tìm ra phương án chi phí ít nhất cho việc thực hiện mỗi một mục tiêu. Vì đạt được mục tiêu với chi phí ít nhất là để đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc. Đó là điều mà bất kì người quản lý nào cũng mong muốn và cố gắng đạt được.

- Tính cân đối của kế hoạch đòi hỏi giáo viên phải tìm ra đủ các nguồn lực và điều kiện để thực hiện mỗi mục tiêu. Nó cũng không cho phép tập trung các nguồn lực và điều kiện cho việc thực hiện mục tiêu này mà bỏ mục tiêu khác đã lựa chọn. Cân đối giữa hệ thống mục tiêu với các nguồn lực và điều kiện thực hiện chúng, hay nói khác đi, cân đối giữa yêu cầu và khả năng đòi hỏi người giáo viên phải nắm vững khả năng mọi mặt, kể cả các tiềm năng có thể có, thấu hiểu từng mục tiêu và tính toán tỉ mỉ việc đầu tư cho mỗi mục tiêu theo một phương án tối ưu.

Bước 6: Thiết kế chi tiết hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS trên bản giấy

Trong bước này, cần phải xác định:

- Có bao nhiêu việc cần phải thực hiện?
- Các việc đó là gì? Nội dung của mỗi việc đó ra sao?
- Tiến trình và thời gian thực hiện các việc đó như thế nào?

- Các công việc cụ thể cho các tổ, nhóm, các cá nhân.
- Yêu cầu cần đạt được của mỗi việc.

Để các lực lượng tham gia có thể phối hợp tốt, nên thiết kế kế hoạch trên các cột. Ví dụ:

TT	Nội dung, tiến trình	Thời gian, thời hạn	Lực lượng tham gia	Người chịu trách nhiệm chính	Phương tiện thực hiện, chi phí	Địa điểm, hình thức	Yêu cầu cần đạt (hoặc sản phẩm)	Ghi chú
----	----------------------	---------------------	--------------------	------------------------------	--------------------------------	---------------------	---------------------------------	---------

Bước 7: Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động

- Rà soát, kiểm tra lại nội dung và trình tự của các việc, thời gian thực hiện cho từng việc, xem xét tính hợp lý, khả năng thực hiện và kết quả cần đạt được.

- Nếu phát hiện những sai sót hoặc bất hợp lý ở khâu nào, bước nào, nội dung nào hay việc nào thì kịp thời điều chỉnh.

Cuối cùng, hoàn thiện bản thiết kế chương trình hoạt động và cụ thể hóa chương trình đó bằng văn bản. Đó là giáo án tổ chức hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm .

Bên cạnh đó tăng cường khâu kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện của các bộ phận theo kế hoạch. Đây là bước quan trọng của người quản lý bởi nếu bỏ qua bước kiểm tra, đánh giá thì người quản lý sẽ không nắm bắt được hiệu quả của kế hoạch đã và đang triển khai. Qua kiểm tra, đánh giá thì giúp cho người quản lý nhìn nhận được nguyên nhân của thành công cũng như hạn chế trong khi thực hiện, từ đó giúp cho các bộ phận chủ động trong công việc của mình.

c. Các điều kiện để thực hiện

Ban Giám hiệu nhà trường phải là những người có tâm huyết với công tác giáo dục dân tộc. Từ hiệu trưởng cho đến các bộ phận, lực lượng tham gia cùng phải xây dựng quy trình tổ chức các hoạt động.

Ban giám hiệu phân công hợp lý các lực lượng tham gia GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS, chỉ đạo thường xuyên và có kiểm tra đánh giá, rút kinh nghiệm điều chỉnh bổ sung hợp lý và công khai.

3.2.3. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên

a. Mục tiêu của biện pháp

Trong nhà trường, đội ngũ GV là yếu tố có tính chất quyết định đến thành công của mọi hoạt động, bởi vậy việc xây dựng đội ngũ mạnh về mọi mặt là một trong những biện pháp quan trọng. Qua khảo sát và tìm hiểu cho thấy đội ngũ GV nhà trường đều cho rằng cần thiết phải tăng cường giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Song thực tế việc làm này còn khó khăn, bản thân nhiều GV cũng chưa được trang bị những kiến thức và kỹ năng về GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS. Một số ít GV quan niệm rằng chỉ cần dạy kiến thức theo phân phối chương trình, HS tốt nghiệp thế là đạt yêu cầu. Vì vậy trong giai đoạn hiện nay, rất cần phải tổ chức bồi dưỡng nhận thức cho GV đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh, khơi dậy trong đội ngũ ý thức trách nhiệm của mỗi thầy cô giáo ở môi trường nội trú: ngoài tư cách người thầy - người cô, mỗi thầy cô còn là cha mẹ thứ hai của các em. Cho nên các thầy cô cần phải làm tốt việc dạy kiến thức các môn học cho các em nhưng đồng thời cũng biết tổ chức và tham gia các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục cho các em biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của chính mình.

b. Nội dung và cách thức thực hiện

*** Nội dung biện pháp:**

Nâng cao năng lực tổ chức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên, trong nhà trường về mục đích, nội dung, phương pháp và cách thức tiến hành của giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS gắn với quá trình giáo dục toàn diện ở nhà trường. Khơi dậy ý thức trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, sự tích cực tham gia hưởng ứng của học sinh.

Trang bị kiến thức và kỹ năng tổ chức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho giáo viên nhà trường.

* Cách thức tiến hành

Thực tế, ở cấp THCS, mỗi giáo viên trong nhà trường được đào tạo theo một hoặc hai chuyên môn nhất định. Chính vì vậy đội ngũ giáo viên có kiến thức, tri thức khoa học vững vàng. Song bên cạnh đó khả năng và kinh nghiệm giáo dục còn hạn chế (nhất là đối với giáo viên trẻ), vì vậy cần tăng cường tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận cũng như năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục cho đội ngũ.

Đội ngũ giáo viên là lực lượng chủ yếu trực tiếp tham gia, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Vì vậy nội dung tập huấn tập trung vào các vấn đề sau:

+ Chủ trương, đường lối của Đảng, các quy định về bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá dân tộc nói chung, BSVH dân tộc nói riêng.

+ Hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm của trường PTDTNT.

+ Kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng tập hợp, tổ chức các hoạt động, tổ chức các chủ đề, chủ điểm của hoạt động trải nghiệm .

Về hình thức bồi dưỡng cho GV tập trung vào các hình thức sau:

+ Thông qua các buổi họp, sinh hoạt, BGH nhà trường tổ chức cho cán bộ - giáo viên học tập, nghiên cứu và thảo luận thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về GD BSVHDT, văn bản của Bộ GD&ĐT, của Sở GD&ĐT về hướng dẫn hoạt động giáo dục văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm.

+ Tổ chức tập huấn theo chuyên đề như: giữ gìn phát huy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy lễ hội truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số Để tổ chức các chuyên đề trên có thể mời các chuyên viên tại phòng VH&TT, Trung tâm HTCĐ ở các xã, các nghệ nhân, người có kinh nghiệm, kiến thức về văn hóa dân tộc ... đến làm giảng viên cho các lớp tập huấn.

+ Cử GV tham gia các lớp tập huấn theo các chuyên đề do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức.

+ Suu tầm, cung cấp tài liệu cho GV nghiên cứu để nâng cao năng lực chuyên môn.

Thông qua các hoạt động sinh hoạt bồi dưỡng chuyên đề, thảo luận về việc tổ chức hoạt động GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS, tạo điều kiện để giáo viên được trao đổi, học tập lẫn nhau về kinh nghiệm công tác tổ chức GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

c. Các điều kiện để thực hiện

- Người quản lý cần chú ý, coi trọng việc tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Có quan điểm và sự thống nhất chung trong toàn thể cán bộ - giáo viên - nhân viên nhà trường về nhiệm vụ quản lý và cách thức tiến hành.

3.2.4. Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS

a. Mục tiêu của biện pháp

Việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục xét về mặt bản chất đó chính là tạo nên sự thống nhất về quan điểm, mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức và các điều kiện phục vụ tốt nhất cho các hoạt động nói chung và hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm nói riêng.

Người quản lý cần phải biết phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường gồm: CBQL - GV - NV, đoàn thanh niên, Đội TNTP HCM tập thể lớp, ban đại diện CMHS, gia đình HS, cộng đồng nơi cư trú, chính quyền và các tổ chức xã hội ở địa phương.... tham gia vào mọi hoạt động giáo dục của nhà trường, đặc biệt là hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm để đạt hiệu quả cao.

b. Nội dung và cách thức thực hiện

Trước tiên, người quản lý cần xác định được các lực lượng tham gia phối hợp để chỉ đạo, tổ chức, điều hành thực hiện nội dung, chương trình của hoạt

động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường để có kết quả.

Với đặc điểm là trường DTNT nên phần lớn hoạt động, sinh hoạt của các em trong năm học đều diễn ra trong nhà trường, ngoài ra khi HS về cộng đồng nơi cư trú - môi trường giao tiếp trong cộng đồng rộng hơn nên nhà trường cần chú ý đến việc tuyên truyền cho các lực lượng trong và ngoài nhà trường hiểu được vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS nhằm giúp học sinh người dân tộc nhận thức được giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình, có ý thức về dân tộc; hình thành ở học sinh những tình cảm tốt đẹp về BSVHDT, có tình yêu thương gắn bó với cộng đồng, có ý thức trách nhiệm với sự phát triển của quê hương, biết tôn trọng, yêu quý, giữ gìn và phát huy bản sắc truyền thống của dân tộc; Hình thành nhân cách con người mới có trí thức và năng lực chuyên môn, đáp ứng công cuộc phát triển- kinh tế xã hội ở các dân tộc miền núi. Chính vì vậy phối hợp các lực lượng tham gia vào các hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS cần phải chú ý trên diện rộng và tính lâu dài, liên tục.

Với đặc thù của nội dung GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm nên cần có sự phối hợp với nhiều người tham gia, thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau. Để có thể thực hiện tốt hoạt động này, cần xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên có đủ năng lực để triển khai nhiệm vụ. Kết hợp với các nghệ nhân, người cao tuổi,... Họ là những người hiểu biết sâu về giá trị VH các dân tộc kết hợp với các nhà quản lý có năng lực tổ chức hoạt động giáo dục học sinh về giá trị VHDT.

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như đoàn thanh niên, Đội TNTP HCM, công đoàn....tham gia trực tiếp vào hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm . Kết hợp lồng ghép giữa nội dung GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm với các chủ đề, chủ điểm của Đoàn, Đội.

Thực tế trong trường PTDTNT THCS Đại Từ có rất nhiều HS thuộc các dân tộc khác nhau cùng sinh sống và học tập. Chính vì vậy đội ngũ giáo viên là một trong những lực lượng quan trọng.

c. Các điều kiện để thực hiện

- Người quản lý cần xây dựng kế hoạch phối kết hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ CB-GV: quan tâm đến việc tuyên truyền, vận động CB-GV luôn trau dồi về kiến thức về VH dân tộc, về kỹ năng tổ chức GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm; Tăng cường sự hiểu biết và nâng cao năng lực của mình với giá trị văn hóa của nhiều dân tộc.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa dân tộc để huy động các lực lượng cùng tham gia.

3.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm

a. Mục tiêu của biện pháp

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, dụng cụ thể dục thể thao, các phương tiện phục vụ cho văn hóa - văn nghệ cùng với nguồn lực tài chính là một trong những yếu tố cơ bản, không thể thiếu được trong một trường học, đặc biệt là các trường PTDT nội trú. Bởi vì ngoài việc truyền đạt, giáo dục cho các em kiến thức các bộ môn văn hóa thì cũng cần quan tâm nâng cao chất lượng về đời sống cho các em, nhất là về đời sống tinh thần. Để nâng cao chất lượng quản lý giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh nội trú cần khơi dậy và duy trì lòng ham học tập, sự khám phá, tìm tòi, học hỏi và thực hành của học sinh. Để có kết quả thì một trong những yếu tố cơ bản là phải có cơ sở vật chất trang thiết bị hoàn chỉnh. Nó sẽ góp phần quan trọng trong việc tạo ra sự hứng thú và tích cực hơn trong hoạt động học tập và tham gia vào hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm của học sinh.

b. Nội dung và cách thức thực hiện

Hiện tại trong trường PTDTNT THCS Đại Từ đã được đầu tư về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học như: Hệ thống phòng học, phòng bộ môn, sân bãi, phòng truyền thống (theo hướng trường Chuẩn Quốc gia)....song để khai thác có hiệu quả thì tập thể sư phạm cần phải biết quản lý và sử dụng một cách hợp lý. Đầu năm học phân công cho 01 đồng chí trong BGH nhà trường phụ trách cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch thực hiện. Hàng tháng, quý tổ chức kiểm tra, tu sửa (nếu hỏng hóc) CSVC để kịp thời phục vụ cho hoạt động dạy và học, các hoạt động giáo dục khác nhất là đối với các hoạt động GD BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm .

- Quan tâm xây dựng phòng truyền thống, trong đó chú ý đến việc trưng bày các vật phẩm văn hóa như: các bộ trang phục truyền thống của các dân tộc, các dụng cụ phục vụ cho sinh hoạt. Tất cả đều được huy động từ cộng đồng, từ gia đình các em và chính các em.

- Kết hợp với việc tổ chức cuộc thi E-learning với chủ đề: du địa chí Việt Nam để cho đội ngũ giáo viên khai thác nét bản sắc văn hóa các dân tộc, từ đó xây dựng tư liệu phim, ảnh để phục vụ giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS được hiệu quả.

- Xây dựng kinh phí cho GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm (sử dụng nguồn kinh phí ngân sách hoặc kinh phí từ nguồn xã hội hóa giáo dục....). Song muốn làm tốt việc xã hội hóa giáo dục thì nhà trường phải làm tốt công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục có tính bền vững, tạo nên thương hiệu cho nhà trường. Từ đó có sự tuyên truyền với cộng đồng về nhà trường bằng chính từ cha mẹ học sinh, từ các cơ quan - chính quyền địa phương và từ các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng các mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội và đơn vị kết nghĩa. Nhà trường tạo sân chơi cho HS khi tham gia các hoạt động xã hội để giúp các em tự tin hơn trong giao tiếp, các em khẳng định mình qua nét đẹp văn hóa dân tộc. Từ đó có sự thu hút các nguồn lực của các tổ chức chính trị xã

hội cho nhà trường đề tổ chức GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS ngày càng hiệu quả.

c. Các điều kiện để thực hiện

- Sự quan tâm kịp thời của Tỉnh ủy - HĐND - UBND Tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan có liên quan ở địa phương trong việc đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở vật chất trường học.

Hiệu trưởng cần có tầm nhìn chiến lược và quyết định trong việc xây dựng nhà trường. Cần có sự phối kết hợp giữa các bộ phận quản lý trong nhà trường để điều hành hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả.

Các thành viên trong nhà trường có sự thống nhất, quyết tâm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2.6. *Mối quan hệ giữa các biện pháp*

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn của trường PTDTNT THCS Đại Từ, chúng tôi đề xuất năm biện pháp tăng cường hoạt động quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Trong thực tiễn, đây là các biện pháp mà trường PTDTNT THCS Đại Từ cần quan tâm nhiều hơn, ngoài ra còn có kết hợp sử dụng các biện pháp khác. Mỗi biện pháp quản lý được đề xuất đều có ý nghĩa, vai trò, mục đích riêng nhằm tác động mạnh mẽ đến các giai đoạn của quá trình quản lý hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại trường PTDTNT THCS Đại Từ. Đồng thời các biện pháp quản lý nêu trên có mối quan hệ thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau để hỗ trợ cho hoạt động quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS đạt hiệu quả. Do đó, hoạt động quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh cần thực hiện một cách đồng bộ các biện pháp để phát huy tác dụng của chúng. Mỗi biện pháp đều có cơ sở để thực hiện, biện pháp này sẽ là điều kiện hỗ trợ, tương tác của biện pháp kia.

Trong 5 biện pháp nêu trên thì biện pháp “xây dựng quy trình tổ chức hoạch hoạt động giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải

nghiệm cho học sinh” là biện pháp quan trọng, trọng tâm. Bởi vì khi xây dựng quy trình tổ chức hoạt động phù hợp thì các bộ phận, cá nhân chủ động trong công việc, thực hiện nội dung đầy đủ, mọi hoạt động học tập và hoạt động giáo dục khác của học sinh đi vào nề nếp, phù hợp với những điều kiện chủ quan và khách quan của nhà trường. Tiếp đó là biện pháp “Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho đội ngũ CBQL, giáo viên,. Có thể nói đây là biện pháp quan trọng bởi chỉ có nhận thức tốt, nhận thức đúng và hiểu rõ được ý nghĩa, vai trò, tác dụng của việc giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS thì mới có được phương pháp, cách thức tổ chức quản lý giáo dục đạt hiệu quả tốt nhất.

Như vậy, khi thực hiện tốt và có tính đồng bộ các biện pháp quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh sẽ giúp trường PTDTNT THCS Đại Từ thực hiện tốt chức năng đào tạo, quản lý giáo dục, phát huy tốt các nguồn lực. Từ đó đào tạo ra thế hệ trẻ có tình thương yêu với cộng đồng, có ý thức trách nhiệm trong cuộc sống và hình thành nhân cách con người mới có kiến thức, có năng lực, có phẩm chất sẽ đáp ứng được công cuộc phát triển kinh tế- xã hội ở các vùng dân tộc và miền núi nói riêng và trên toàn đất nước nói chung.

3.3. Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

3.3.1. Đối tượng khảo nghiệm

Để kiểm chứng và đánh giá với các biện pháp đã đề ra, chúng tôi tiến hành lấy ý kiến của đội ngũ CBQL-GV,NV trường PTDTNT THCS Đại Từ về mức độ cần thiết và tính khả thi của từng biện pháp. Các thành phần tham gia gồm: tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn, ban giám hiệu, bí thư đoàn thanh niên, TPT Đội TNTP HCM, chủ tịch công đoàn là 09 người; Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và nhân viên là 28 người. Tổng số là 37 người.

3.3.2. Cách thức tiến hành khảo nghiệm

Qua trao đổi phỏng vấn và phiếu hỏi.

3.3.3. Mục đích khảo nghiệm

Đánh giá mức độ cần thiết của từng biện pháp quản lý giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS, thông qua ý kiến của các đối tượng tham gia khảo sát.

Tìm hiểu sự tán thành của các đối tượng tham gia khảo sát đánh giá về tính cấp thiết của các biện pháp. Xác định tính khả thi của các biện pháp đề xuất để nâng cao chất lượng GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.

3.3.4. Các biện pháp được khảo nghiệm

Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của sáu biện pháp sau:

Biện pháp 1: *Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm.*

Biện pháp 2: *Xây dựng quy trình tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.*

Biện pháp 3: *Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên.*

Biện pháp 4: *Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.*

Biện pháp 5: *Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm .*

3.3.5. Nội dung khảo sát

Đánh giá về mức độ cần thiết của 5 biện pháp đề ra theo 3 mức độ:

- Rất cần thiết: 3 điểm; Cần thiết: 2 điểm; Không cần thiết: 1 điểm.

Đánh giá về mức độ khả thi của 6 biện pháp đề ra theo 3 mức độ:

- Rất khả thi: 3 điểm; Khả thi: 2 điểm; Không khả thi: 1 điểm.

Sau đó chúng tôi tính tỷ lệ %, điểm trung bình và thứ bậc; Sau khi tổng hợp chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 3.1. Mức độ cần thiết của các biện pháp quản lý GD BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm

TT	Biện pháp quản lý GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm	mức độ cần thiết						Tổng	Bình quân	Xếp thứ
		Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết				
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm.	27	73	10	27	0	0	101	2.73	2
2	Xây dựng quy trình tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.	26	70.3	11	29.7	0	0	100	2.70	3
3	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên	31	83.8	6	16.2	0	0	105	2.84	1
4	Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.	25	67.6	12	32.4	0	0	99	2.68	4
5	Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm.	23	62.2	14	37.8	0	0	97	2.62	5

Bảng 3.2. Tính khả thi của các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm

TT	Biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm	mức độ khả thi						Tổng	Bình quân	Xếp thứ
		Rất khả thi		Khả thi		Không khả thi				
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%			
1	Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm.	35	94.6	2.5	5.4	0	0	110	2.97	1
2	Xây dựng quy trình tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.	34	91.9	3	8.1	0	0	108	2.92	2
3	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên.	33	89.2	4	10.8	0	0	107	2.89	3
4	Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.	30	81.1	7	18.9	0	0	104	2.81	5
5	Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm .	32	86.5	5	13.5	0	0	106	2.86	4

Từ kết quả khảo nghiệm, đánh giá về mức độ cần thiết, tính khả thi của sáu biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm ở bảng 3.1 và 3.2 cho thấy:

Về mức độ cần thiết của các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS có 100% ý kiến khảo nghiệm cho kết quả là rất cần thiết và cần thiết (trên 60% đánh giá là rất cần thiết). Điều này khẳng

định rằng các biện pháp hiện nay là phù hợp với mong muốn của cán bộ quản lý và giáo viên của nhà trường và cần thiết phải tiến hành đồng bộ các biện pháp trên trong thời gian tới.

Trong năm biện pháp nêu trên thì biện pháp *“Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên”* là biện pháp được đánh giá với 83.8% là rất cần thiết, có nghĩa là biện pháp này là quan trọng nhất. Bởi vì để cho hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS có hiệu quả phụ thuộc rất nhiều vào năng lực, kiến thức, kỹ năng của đội ngũ CBQL, GV. Từ đó càng nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi CBQL, GV trong việc giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Tiếp đó là biện pháp *“Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm”* được đánh giá ở vị trí thứ 2 với tỉ lệ 73% là rất cần thiết. Bởi vì nhận thức có vai trò quyết định trong định hướng hành động. Vì vậy nâng cao nhận thức cho CBQL và toàn thể GV, HS là hết sức cần thiết, góp phần nâng cao kết quả giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS hiện nay. Biện pháp *“Xây dựng quy trình tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh”* đứng ở vị trí thứ 3 với 70,3% đánh giá là rất cần thiết. Bởi vì có thiết kế quy trình tốt thì việc triển khai áp dụng các biện pháp còn lại mới có tính khả thi. Biện pháp *“Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS”* được đánh giá vị trí thứ 4 với 67,6% đánh giá là rất cần thiết, biện pháp chỉ đạo xây dựng, phát triển môi trường sư phạm lành mạnh nhằm thực hiện tốt công tác giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh được đánh giá vị trí thứ 4, biện pháp *“Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm”* được xếp ở vị trí cuối cùng.

Đánh giá về tính khả thi của các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS, qua kết quả khảo nghiệm cho thấy 100% ý kiến đều cho rằng các biện pháp nêu trên đều rất khả thi và khả thi. Trong đó biện pháp “*Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm*” có 94.6% ý kiến cho rằng là rất khả thi; Biện pháp “*Xây dựng quy trình tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh*” có 91.9% cho rằng rất khả thi. Các biện pháp còn lại đều được đánh giá là rất khả thi với tỉ lệ trên 80%.

Bảng 3.3. So sánh tương quan thứ bậc giữa tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS

TT	Biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm	Cần thiết		Khả thi	
		Bình quân	Xếp thứ	Bình quân	Xếp thứ
1	Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm.	2.73	2	2.97	1
2	Xây dựng quy trình tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.	2.70	3	2.92	2
3	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên.	2.84	1	2.89	3
4	Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.	2.68	4	2.81	5
5	Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm .	2.62	5	2.86	4

Dựa vào bảng 3.3 cho kết quả đánh giá về mối quan hệ giữa các biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS như

sau: giữa mức độ cần thiết và tính khả thi có mối quan hệ tương quan và chặt chẽ với nhau. Cụ thể:

Biện pháp *“Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên”* có ý kiến đánh giá với mức độ rất cần thiết là cao nhất và biện pháp *“Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm”* là có tính rất khả thi cao nhất.

Tóm lại từ kết quả khảo sát có thể rút ra kết luận như sau:

Tất cả 5 biện pháp nêu trên đều được đánh giá cao về tính cần thiết và tính khả thi. Xét tỷ lệ đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp cho thấy cả 5 biện pháp đều được đánh giá cao với tỷ lệ 100% ý kiến đều đánh giá là cần thiết - rất cần thiết; khả thi và rất khả thi. Bên cạnh đó các biện pháp này lại có mối quan hệ qua lại với nhau. Điều đó chứng tỏ các biện pháp được đề xuất đều đảm bảo tính khoa học, đúng đắn, phù hợp với thực tiễn trong quá trình quản lý giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường PTDTNT THCS Đại Từ hiện nay. Cho nên khi tổ chức các hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh cần thực hiện đồng bộ và có sự phối kết hợp của 5 biện pháp nêu trên. Điều đó cho thấy 5 biện pháp nêu trên đều có cơ sở và áp dụng được vào trong thực tiễn công tác quản lý giáo dục BSVH DT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ. Từ đó nâng cao chất lượng hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh của nhà trường.

Kết luận chương 3

Biện pháp quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh của trường PTDTNT THCS Đại Từ, xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu của tỉnh Thái Nguyên nói riêng và của đất nước nói chung. Các biện pháp nêu trên đều hướng vào khơi dậy ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và là động lực để giúp HS tự tin hòa nhập trong cuộc sống và có ý thức vươn lên trong học tập.

Biện pháp “Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ CBQL, giáo viên” là biện pháp chủ đạo nếu kết hợp tốt với biện pháp “Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh trong tổ chức thực hiện giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm” thì hiệu quả của hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm sẽ đạt hiệu quả cao vì các biện pháp còn lại có mối quan hệ thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất thúc đẩy hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh có kết quả cao.

Các biện pháp nêu trên được triển khai thực hiện đồng bộ, phù hợp với điều kiện của nhà trường sẽ góp phần để tăng cường quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ nói riêng và học sinh các nội trú cấp THCS nói chung sẽ đạt kết quả tốt.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PTDTNT THCS nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho các em, đồng thời giúp các em biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Từ đó chú trọng bồi dưỡng lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí quyết tâm xây dựng đất nước không chỉ giàu mà đẹp, đẹp ở môi trường, ở lễ công bằng, ở cách ứng xử nhân ái giữa con người với con người để đáp ứng mục tiêu giáo dục Phổ thông trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Qua nghiên cứu lý luận, thực trạng GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường PTDTNT THCS Đại Từ, chúng tôi đã đạt được những kết quả:

Giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường PT DTNT THCS Đại Từ là tác động có mục đích có kế hoạch của chủ thể quản lý tới đối tượng giáo dục, khách thể quản lý nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS.

Thực trạng giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường PT DTNT THCS Đại Từ; huyện Đại Từ; tỉnh Thái Nguyên có những điều kiện thuận lợi để triển khai giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm, những nội dung giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm đã đưa vào để giáo dục cho các em tuy nhiên nội dung, hình thức chất lượng hiệu quả còn chưa cao

1.3. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận văn đã đề xuất 5 biện pháp quản lý giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm và nhận được sự đánh giá cao và sự đồng tình ủng hộ của đội ngũ CBQL, GV trong nhà trường qua việc khảo nghiệm về mức độ cần thiết và tính khả thi của từng biện pháp. Mỗi biện pháp có ưu điểm, hạn chế riêng song người quản lý

biết cách sử dụng, phối kết hợp trong quản lý thì sẽ nâng cao chất lượng của GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ. Đó là các biện pháp:

Biện pháp 1: *Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm.*

Biện pháp 2: *Xây dựng quy trình tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.*

Biện pháp 3: *Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên.*

Biện pháp 4: *Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.*

Biện pháp 5: *Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm .*

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Sở GD & ĐT Thái Nguyên

- Cần tăng cường tổ chức tập huấn cho đội ngũ CBQL các trường PTDTNT về nâng cao trách nhiệm quản lý, chủ động khai thác các giá trị VHDT trong việc giáo dục học sinh.

- Bổ sung nội dung của hội thi các trường PTDT Nội trú để các em có điều kiện thể hiện nét đẹp trong phong tục tập quán của từng dân tộc, từng vùng miền.

- Tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm đối với các trường PTDTNT

2.2. Đối với UBND huyện Đại Từ

- Đẩy mạnh công tác, quảng bá các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đến các lực lượng xã hội; tổ chức nhiều loại hình hoạt động văn hóa - thể thao, tạo điều kiện để thế hệ trẻ được tiếp cận nhiều hơn với BSVHDT.

2.3. Đối với trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh THCS Đại Từ

*** Đối với Ban giám hiệu**

- Cần có sự đầu tư, đồng bộ để tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động dạy và học tại trường PTDT nội trú, trong đó quan tâm đến hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Tăng cường giao lưu học hỏi đối với các trường PTDTNT các tỉnh phía Bắc, các trường có phương pháp tổ chức GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh có hiệu quả.

- Cải tiến nội dung, hình thức tổ chức GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho học sinh; Thường xuyên giữ mối liên hệ với gia đình, cha mẹ của HS và các lực lượng ngoài nhà trường để làm tốt nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh.

*** Đối với cán bộ, giáo viên**

- Tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng về các chuyên đề văn hóa dân tộc, cách thức tổ chức các hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm, để có hiệu quả trong công tác. Tăng cường học tiếng dân tộc, tìm hiểu về phong tục tập quán của các em học sinh dân tộc để nâng cao hiệu quả giáo dục.

*** Đối với học sinh**

- Nâng cao ý thức tự giác, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường nói chung và hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm nói riêng. Có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy BSVHDT của dân tộc mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sự cương*, năm 1938.
2. *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*.
3. *Báo cáo tổng kết năm học 2012-2013* của trường PT DTNT THCS Đại Từ
4. *Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014* của trường PT DTNT THCS Đại Từ.
5. *Báo cáo tổng kết năm học 2014-2015* của trường PT DTNT THCS Đại Từ.
6. *Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016* của trường PT DTNT THCS Đại Từ.
7. Đặng Quốc Bảo (2010), *Vấn đề quản lý và quản lý nhà trường*, Tài liệu giảng dạy cao học QLGD, Trường ĐHGĐ - ĐGQG Hà Nội.
8. Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Thị Thu Huyền (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý trường phổ thông Dân tộc nội trú*, Dự án PTGV THPT& TCCN - Vụ Giáo dục dân tộc - Cục NG&CBQLCSGD, NXB Văn hóa - Thông tin.
9. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012), *Đại cương khoa học quản lý*, Trường Đại học giáo dục- ĐHQG Hà Nội.
10. Trần Thị Minh Huệ (2010), *Giáo dục BSVHDT cho SV Sư phạm miền núi Đông Bắc thông qua hoạt động giáo dục NGLL*, Luận án Tiến sĩ, trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
11. Trần Kiêm (2008), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
12. Luật giáo dục 2010, đã được sửa đổi, bổ sung.
13. Nghị quyết TƯ 5 (khoá VIII), năm 1998
14. Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản văn học.
15. Phạm Hồng Quang (2002), *Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên Sư Phạm*, Trường Đại Học Sư Phạm Thái Nguyên, Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

16. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT (Ban hành kèm theo Quyết định số: 49/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT, ngày 15/01/2016 của Bộ GD&ĐT V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT.
17. Phạm Lê Thanh (2014), *Quản lí GDBSVHDT cho học sinh trường THPT DTNT tỉnh Điện Biên*, Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục, Trường đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
18. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam*, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
19. Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Hồng Kiên, *Tài liệu tập huấn kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong trường Trung học năm 2015*.
20. Từ điển bách khoa Việt Nam, Nxb. Từ điển bách khoa, H, 2005, tập 4.

PHỤ LỤC
PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dành cho CBQL, giáo viên, nhân viên)

Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong trường, tôi tha thiết kính mong thầy cô cho tôi biết ý kiến về một số vấn đề sau đây.

Thông tin cá nhân:

Thầy/cô là người thuộc dân tộc:

Nam Nữ Tuổi:

Là: Cán bộ quản lý: Là giáo viên:

Chuyên ngành đào tạo: Nhân viên nhà trường:

Số năm công tác trong Ngành giáo dục:

Câu 1. Thầy, cô cho biết ý kiến của mình về tầm quan trọng của công tác giáo dục BSVHDT cho HS

STT	Các mức độ	Ý kiến
1	Rất quan trọng	
2	Quan trọng	
3	Không quan trọng	

Câu 2. Thầy, cô cho biết ý kiến đánh giá về việc thực hiện các nội dung giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

Số TT	Nội dung giáo dục BSVHDT	Ý kiến đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Trang phục truyền thống (làm từ vải chàm, phụ nữ vấn khăn, mặc áo năm thân, cài sang bên phải, thắt lưng, mặc quần hay váy, nam giới là chiếc áo dài quá đầu gối...)			
2	Văn học, âm nhạc (đồng dao, dân ca hát sli, hát Then, dụng cụ âm nhạc: Đàn Tính...)			
3	Ngôn ngữ dân tộc			
4	Các phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thể hiện trong lối sống hàng ngày (ăn, ở)			
5	Nghề truyền thống (gắn với các kỹ thuật làm ruộng; làm rẫy; làm vườn; chăn nuôi gia súc, dệt vải, thêu...)			
6	Các trò chơi dân gian (Kéo co, ném còn, đẩy gậy...)			
7	Các Lễ hội truyền thống (Tết Nguyên đán; Tết mừng 3 tháng 3 (tiết Thanh minh); Tết 14 tháng 7 là tết to thứ hai trong năm; Tết mừng 5 tháng 5 (Đoan ngọ); Tết cơm mới (mùng 10 tháng 10, lễ hội Lồng Tồng)			
8	Các phẩm chất đạo đức truyền thống của dân tộc (Tình thân yêu nước, yêu con người, giản dị, cần cù ...)			
9	Các giá trị văn hóa vật thể: Đền chùa, miếu, di tích văn hóa - lịch sử.			

Câu 3. Thầy (cô) cho biết ý kiến đánh giá về mức độ sử dụng các phương pháp GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS

TT	Phương pháp	Mức độ sử dụng		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa sử dụng
1	Thảo luận nhóm			
2	Sắm vai			
3	Giải quyết vấn đề			
4	Xử lý tình huống			
5	Giao nhiệm vụ			
6	Trò chơi			

Câu 4. Thầy (cô) cho biết ý kiến đánh giá về mức độ thực hiện các hình thức giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

STT	Hình thức tổ chức GD BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1	Các hoạt động giáo dục trong giờ học chính khóa.			
2	Tổ chức các câu lạc bộ: Văn hóa nghệ thuật, thể thao....			
3	Tổ chức các trò chơi dân gian			
4	Tổ chức diễn đàn trao đổi về lối sống văn hóa của học sinh, vai trò của HS đối với vấn đề giữ gìn và phát huy các giá trị BSVHDT			
5	Sân khấu tương tác			
6	Tham quan, dã ngoại đến các vùng dân tộc			
7	Hội thi/cuộc thi tìm hiểu, thể hiện văn hóa các dân tộc			

Câu 5. Thầy (Cô) đánh giá việc xây dựng kế hoạch giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS của ban giám hiệu nhà trường theo các nội dung sau đây

Nội dung	Kết quả		
	Tốt	Chưa tốt	Không thực hiện
Xây dựng kế hoạch cụ thể về hoạt động giáo dục BSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm			
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng công tác GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho CB-GV			
Xây dựng kế hoạch quản lý nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm			
Xây dựng kế hoạch quản lý: giờ sinh hoạt lớp, sinh hoạt đầu tuần, HĐ NGCK, các hoạt động tập thể			
Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường			
Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm			

Câu 6. Thầy (Cô) đánh giá việc tổ chức GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS tại nhà trường?

TT	Nội dung	Các mức độ		
		Hiệu quả	Ít hiệu quả	Chưa hiệu quả
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức GDBSVHDT thông qua các hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ GV (kỹ năng sư phạm, năng lực tổ chức, nội dung, hình thức....)			
2	Tạo điều kiện cho các lực lượng phối hợp tham gia thực hiện kế hoạch GDBSVHDT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm			
3	Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong và sau khi triển khai thực hiện kế hoạch			

Câu 7. Thầy (Cô) đánh giá việc chỉ đạo GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS tại nhà trường?

TT	Nội dung	Các mức độ		
		Hiệu quả	Ít hiệu quả	Chưa hiệu quả
1	Phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận, cá nhân hợp lý, khoa học			
2	Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát và giúp đỡ các đoàn thể khi thực hiện nhiệm vụ được phân công			
3	Có quy định khen thưởng và hình thức kỉ luật trong thực hiện kế hoạch			

Câu 8. Theo Thầy (Cô), những biện pháp nào sau đây là cần thiết để làm tốt quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh?

TT	Biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm	Mức độ cần thiết		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học sinh về vai trò và tầm quan trọng của giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm			
2	Xây dựng quy trình tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh			
3	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ CBQL giáo viên.			
4	Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS			
5	Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm			

Câu 9. Theo Thầy (Cô), những biện pháp nào sau đây có tính khả thi để làm tốt quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh?

TT	Biện pháp quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm	Mức độ khả thi		
		Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1	Nâng cao nhận thức của CBQL,GV và học sinh về tầm vai trò và tầm quan trọng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm			
2	Xây dựng quy trình tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh			
3	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên.			
4	Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm cho HS			
5	Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động trải nghiệm			

Câu 10. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý giáo dục BSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh, Thầy (Cô) có những kiến nghị, đề xuất gì với nhà trường về công tác quản lý GDBSVHDT thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh?

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn!